

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN VĂN TOÀN

CÁC TỘI HỐI LỘ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRẦN VĂN TOÀN

**CÁC TỘI HỐI LỘ
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN TRUNG THÀNH**

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ	5
1.1. Những vấn đề lý luận về các tội hối lộ	5
1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội hối lộ.....	31
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	45
2.1. Tình hình xét xử các tội hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	45
2.2. Định tội danh đối với các tội hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh....	52
2.3. Quyết định hình phạt đối với các tội hối lộ từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.....	54
2.4. Những tồn tại, vướng mắc, thiếu sót và nguyên nhân của tồn tại, vướng mắc	57
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ	65
3.1. Các yêu cầu đối với việc áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ	65
3.2. Các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ.....	65
KẾT LUẬN	79
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	81

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
BLTTHS	Bộ luật tố tụng hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
CSND	Cảnh sát nhân dân
CTY.CP	Công ty cổ phần
HĐND-UBND	Hội đồng nhân dân - ủy ban nhân dân
HTX	Hợp tác xã
LĐTBXH	Lao động thương binh xã hội
PCTN	Phòng chống tham nhũng
SĐBS	Sửa đổi bổ sung
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TI	Tổ chức minh bạch thế giới
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTHS	Tố tụng hình sự
UNCAC	Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng
VBPL	Văn bản pháp luật
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê chỉ số tham nhũng của Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2011 của TI.....	46
Bảng 2.2: Thống kê số vụ và số bị cáo xét xử sơ thẩm các tội phạm về hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2011 - 2015).....	48
Bảng 2.3: Tội nhận hối lộ	49
Bảng 2.4: Thống kê xét xử sơ thẩm của TANDTC tại thành phố Hồ Chí Minh về các tội hối lộ từ năm 2011 đến 2015	55

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Từ khi chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta đã có những bước phát triển vượt bậc, đời sống của người dân được nâng cao; tình hình chính trị - xã hội được ổn định; quốc phòng, an ninh được củng cố; quan hệ đối ngoại phát triển mạnh mẽ; phá được thế bao vây, cô lập; mở rộng hợp tác và tham gia tích cực vào các hoạt động quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, trong xã hội cũng đã và đang phát sinh nhiều hiện tượng tiêu cực. Tệ nạn xã hội ngày một gia tăng dưới mọi hình thức. Tình hình các loại tội phạm rất phức tạp xảy ra trong các lĩnh vực, nhất là tội phạm tham nhũng đang gây sự bất bình trong nhân dân, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước: "Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng. Nạn tham nhũng kéo dài trong bộ máy của hệ thống chính trị và trong nhiều tổ chức kinh tế là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta...".

Trong các tội phạm tham nhũng, tội phạm hối lộ được coi là nguy hiểm nhất. Tính nguy hiểm của nó được thể hiện ở chỗ, các tội phạm này xâm phạm hoạt động bình thường của bộ máy nhà nước, làm cho mọi đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước không thể vận dụng đúng đắn vào cuộc sống. Thực tế đã chỉ ra rằng, bộ máy nhà nước có vững mạnh, trong sạch thì mới bảo đảm được hiệu lực quản lý nhà nước. Điều này đòi hỏi phải có một đội ngũ cán bộ, công chức không chỉ có đủ năng lực, trình độ, mà còn phải có phẩm chất đạo đức. Hiệu lực và chất lượng công tác của bộ máy nhà nước, suy cho cùng phần lớn phụ thuộc vào hoạt động và chất lượng công tác của cán bộ, công viên chức trong bộ máy nhà nước. Tăng cường hiệu lực nhà nước không thể tách rời việc nâng cao năng lực, trình độ, phẩm chất và đạo đức cách mạng của người cán bộ và khắc phục những hiện

tượng người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm pháp luật. Phần lớn các cán bộ, công chức trong bộ máy Nhà nước trung thực, tận tụy làm việc vì nước, vì dân không nề hà khó khăn gian khổ, nêu cao đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số người thoái hoá, biến chất, lợi dụng chức vụ, quyền hạn những nhiều đòi hỏi lộ, nhận hối lộ, làm tổn thương uy tín của Đảng và Nhà nước ta.

Ở nước ta, trong mấy chục năm qua, nạn hối lộ vẫn tồn tại như một hiện tượng xã hội và đang phát triển rất nghiêm trọng, gây tác hại lớn đến hoạt động của bộ máy nhà nước. Trong khi đó việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự trong xét xử các tội phạm về hối lộ còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn tội phạm. Do vậy, đấu tranh với tội phạm hối lộ là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh chống tham nhũng nhằm góp phần khôi phục trật tự, kỷ cương đất nước, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ những lý do trên, với mong muốn góp phần vào công cuộc đấu tranh chống tham nhũng, hối lộ tác giả lựa chọn đề tài ***“Các tội hối lộ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”*** để nghiên cứu làm luận văn cao học là hướng nghiên cứu có tính cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Các tội phạm về hối lộ đã được quy định khá sớm trong luật hình sự Việt Nam. Bên cạnh đó, đây là nhóm tội phạm hiện nay đang diễn biến rất phức tạp và nguy hiểm. Tuy nhiên, những nghiên cứu về các tội phạm này còn khá khiêm tốn, những nghiên cứu đã thực hiện chủ yếu tiếp cận các tội phạm về chức vụ nói chung hoặc nhóm tội phạm về tham nhũng nói riêng, chứ không đặc biệt tập trung vào các tội phạm về hối lộ.

Từ đó có thể thấy việc nghiên cứu nhóm tội phạm này vẫn còn bị bỏ ngỏ ở nhiều khía cạnh. Do đó, tìm hiểu các tội phạm về hối lộ dưới góc độ pháp lý hình sự, đặc biệt là trong sự so sánh với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành và Bộ luật hình sự mới về loại tội phạm này một cách toàn diện, có hệ thống vẫn thực sự cần thiết và có ý nghĩa.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích, luận giải những vấn đề lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội hối lộ; đánh giá thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm này ở thành phố Hồ Chí Minh, luận văn hướng tới mục đích xây dựng các giải pháp hoàn thiện và đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các tội phạm này trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- + Phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận về các tội hối lộ;
- + Bình luận đánh giá các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội hối lộ;
- + Khảo sát, đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật của Tòa án thành phố Hồ Chí Minh trong thực tiễn xét xử các tội hối lộ trong 5 năm vừa qua;
- + Xây dựng các giải pháp hoàn thiện và đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ trong thời gian tới.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn có đối tượng nghiên cứu là những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trong xét xử vụ án về các tội hối lộ tại thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu các tội hối lộ dưới góc độ pháp luật hình sự từ thực tiễn xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng và Nhà nước về nhà nước và pháp luật cũng như về đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể

Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng để làm rõ từng nội dung của luận văn chủ yếu là: phân tích, tổng hợp, hệ thống, so sánh, thống kê, đàm thoại phỏng vấn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

+ Về mặt lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn ở một chừng mực nhất định sẽ góp phần làm phong phú thêm lý luận chuyên ngành luật hình sự về các tội hối lộ.

+ Về mặt thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể được sử dụng trong thực tiễn xây dựng, hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự và áp dụng pháp luật hình sự trong điều tra, truy tố, xét xử loại tội phạm này đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tham nhũng.

Luận văn có thể làm tài liệu tham khảo trong học tập, nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở đào tạo ngành luật, chuyên ngành luật hình sự và tố tụng hình sự.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về các tội hối lộ.

Chương 2. Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ của tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3. Các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ

1.1. Những vấn đề lý luận về các tội hối lộ

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm các tội hối lộ

1.1.1.1. Khái niệm tội phạm về hối lộ

Khái niệm tội phạm về hối lộ là một phạm trù rất rộng lớn, để có thể hiểu rõ cần nghiên cứu từ nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau. Thực tế cho thấy, hiện tượng hối lộ thường được nghiên cứu từ khía cạnh đạo đức, chính trị, kinh tế và pháp lý. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu này tiếp cận hối lộ từ một khái niệm rộng hơn là khái niệm tham nhũng.

Vậy hai khái niệm này có điểm gì khác biệt và chúng có mối quan hệ với nhau như thế nào? Nghiên cứu cho thấy hối lộ được các học giả nước ngoài coi là một biểu hiện của tham nhũng và là biểu hiện rõ nét nhất và cũng nguy hiểm nhất. Thậm chí ở một số nghiên cứu khái niệm tham nhũng và khái niệm hối lộ hầu như đã được đồng nhất, nói đến tham nhũng là nói đến hối lộ. Tuy nhiên, khái niệm tham nhũng có nội hàm rộng hơn và bao hàm khái niệm hối lộ. Xét theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Hoặc theo từ điển tiếng Việt: "tham nhũng là lợi dụng quyền hành để nhũng nhiễu nhân dân lấy của", hoặc trong Luật phòng chống tham nhũng năm 2005: "tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để vụ lợi". Vậy hối lộ là gì và so với tham nhũng thì có điểm gì giống và khác nhau?

Bản chất của hối lộ có thể được hiểu từ nhiều góc độ khác nhau. "*Hối lộ*", theo Đại Từ điển Tiếng Việt, được hiểu là: "*Lén lút đưa tiền của để nhờ kẻ có quyền làm điều trái với pháp luật nhưng có lợi cho mình*" [38, tr 736]. Còn trong Tiếng Anh "*Bribery*" (hối lộ) có nghĩa là "*một dạng tham nhũng, là hành vi đưa tiền hoặc quà nhằm thay đổi thái độ của người nhận*" [39].

Từ góc độ xã hội, hối lộ có thể được xem là một hình thức biến tướng của việc đền đáp, trả ơn. Hối lộ có thể được xem là hiện tượng xã hội tiêu cực, là sự lạm

dụng những truyền thống tốt đẹp của xã hội loài người, tuy nhiên tính chất sai trái của hối lộ có thể không được nhận thức hoặc được nhận thức ở mức độ khác nhau tùy thuộc vào từng xã hội. Sự nhận thức đó chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi yếu tố văn hoá – xã hội và sau đó lại ảnh hưởng ít nhiều đến việc xác định tính chất nguy hiểm cho xã hội của hiện tượng hối lộ. Như vậy, từ góc độ đạo đức xã hội, bản chất xấu xa của hối lộ chính là biện giải đầu tiên cho sự cần thiết phải sử dụng pháp luật đấu tranh với hiện tượng này.

Dưới góc độ chính trị, *“hối lộ là một trong những loại bổng lộc của quyền lực và là một hình thức trao đổi chung giữa quyền lực và sự giàu có”* [31]. Lúc này hối lộ mang bản chất chính trị sâu sắc, là tặng phẩm tiêu cực của quyền lực và thể hiện mặt trái của sự phân tầng xã hội. Thông qua hối lộ quyền lực tạo ra tiền bạc và ngược lại tiền bạc có thể mua được quyền lực. Hối lộ trở thành công cụ tìm kiếm và duy trì quyền lực chính trị, đồng thời tạo ra sự bất công trong xã hội. Hiện tượng hối lộ làm mất niềm tin của công chúng đối với cả các chính trị gia và hệ thống chính trị. Khi chúng ta nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi hối lộ đối với hệ thống chính trị, sự cần thiết phải xử lý loại hành vi này bằng pháp luật hình sự trở nên rõ ràng hơn.

Trong khi đó, từ khía cạnh *hành chính - nhà nước*, các học giả và đa số các quốc gia đều thống nhất chung *“hối lộ”* là một loại hành vi tham nhũng. Hiện tượng này đang có xu hướng xảy ra nhiều tại những nơi thiếu sự minh bạch và thiếu sự tôn trọng các quy tắc đạo đức, đồng thời tác động trở lại làm cho bộ máy nhà nước trở nên trì trệ, thối nát và quan liêu. Đặc biệt, hối lộ cũng hủy hoại đạo đức và trách nhiệm của những người thực thi chức trách, làm mất lòng tin của công chúng vào hoạt động công vụ [42]. Các loại hối lộ cụ thể bao gồm: Lợi dụng ảnh hưởng để trục lợi; đề nghị hoặc chấp nhận những món quà, tiền thưởng, ơn huệ hay hoa hồng không chính đáng; hối lộ để trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế hay các chi phí khác; hối lộ để hỗ trợ lừa đảo; hối lộ để trốn tránh trách nhiệm hình sự; hối lộ để hỗ trợ cho những hành vi cạnh tranh không lành mạnh; hối lộ trong khu vực tư; hối lộ để có thông tin bí mật hay *“nội bộ”* [22, tr 19].

Về mặt pháp lý, qua nghiên cứu ta nhận thấy theo pháp luật của hầu hết các quốc gia trên thế giới hối lộ bị xem là một sự trao đổi lợi ích bất hợp pháp hai chiều. Sự trao đổi đó được thực hiện thông qua việc bên đưa hối lộ sử dụng những lợi ích không chính đáng để đổi lấy việc bên nhận hối lộ làm theo yêu cầu của mình. Ngược lại bên nhận hối lộ lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thỏa mãn những mục đích cá nhân của người đưa hối lộ để đổi lấy của hối lộ. Hối lộ bị xem là bất hợp pháp xuất phát từ chỗ nó là việc đạt được lợi ích cá nhân trên cơ sở lợi dụng quyền lực công.

Ngoài ra, “*hối lộ*” được coi là một *tội phạm* và được định nghĩa theo Từ điển pháp luật của Henry Campbell Black (được sử dụng rộng rãi tại Mỹ) là các hành vi “*đề nghị*” (offering), “*đưa*” (giving), “*nhận*” (receiving) hoặc “*gạ gẫm*” (soliciting) bất kỳ một dạng giá trị (any item of value) làm ảnh hưởng đến hành vi của một công chức hay người nào đó thực hiện công vụ hoặc chức vụ pháp lý; hay hối lộ “*là hình thức tham nhũng thể hiện bằng cách một người đưa tiền để thuyết phục một công chức Nhà nước chấp thuận để làm hoặc không làm một việc có lợi cho mình*” [5].

Như vậy, dù dưới góc độ nào đi chăng nữa, chúng ta vẫn có thể nhận thấy một điểm đặc trưng là “*hối lộ*” luôn thể hiện bản chất của một hiện tượng tiêu cực và gây hậu quả nặng nề đến đời sống xã hội.

Còn dưới góc độ khoa học Luật hình sự nước ta, khái niệm “*hối lộ*” được hiểu bao gồm ba loại hành vi phạm tội tương ứng với ba tội hối lộ cụ thể: tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ và tội làm môi giới hối lộ. Trong Bộ luật hình sự năm 1999 hiện hành (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) cũng không định nghĩa thế nào là “*hối lộ*”. Theo đó, các phạm trù “*hối lộ*”, “*đưa hối lộ*” và “*làm môi giới hối lộ*” chỉ được hiểu thông qua khái niệm “*nhận hối lộ*” đã ghi nhận tại Điều 279 Bộ luật hình sự về *tội nhận hối lộ*. Theo đó, *nhận hối lộ* là hành vi “*lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào... để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ*”.

So sánh với Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng cho thấy, khái niệm “*hối lộ*” chỉ đề cập đến hành vi *đưa hối lộ* và hành vi *nhận hối lộ*. Theo nội dung Điều 15 (*Hối lộ công chức quốc gia*), Điều 16 (*Hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức quốc tế của tổ chức công*) và Điều 21 (*Hối lộ trong khu vực tư*) của Công ước có thể hiểu đó là các hành vi sau đây:

a) Hứa hẹn, chào mời hay cho, trực tiếp hay gián tiếp, người có chức vụ (trong lĩnh vực công hoặc tư, của quốc gia hoặc tổ chức quốc tế) bất kỳ một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân người có chức vụ ấy hay cho một người hoặc một tổ chức khác, để người có chức vụ này làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

b) Hành vi của người có chức vụ (trong lĩnh vực công hoặc tư, của quốc gia hoặc tổ chức quốc tế), trực tiếp hay gián tiếp, *đòi hoặc nhận* một lợi ích không chính đáng cho chính bản thân công chức hay cho người hoặc tổ chức khác, để người có chức vụ đó làm hoặc không làm một việc trong quá trình thi hành công vụ.

Tương tự, trong pháp luật chống tham nhũng nhiều nước, “*hối lộ*” cũng được hiểu là tội phạm về tham nhũng và chỉ bao gồm hai hành vi đưa và nhận hối lộ và hưởng lợi bất chính do cương vị công quyền đem lại (Cộng hòa Liên bang Đức) hay biểu hiện bằng hành vi nhận hối lộ để làm một việc thuộc chức trách, nhiệm vụ của công chức; nhận hối lộ để làm trái với nhiệm vụ, công vụ của công chức; hối lộ người thực hiện nhiệm vụ Nhà nước; hối lộ để làm sai lệch thủ tục Tòa án (Italya); v.v....[5].

Tóm lại, với các quan điểm tiếp cận khác nhau (cả trong lý luận và thực tiễn) nhưng về cơ bản đều thống nhất chung về “*hối lộ*” với nội dung khái quát như sau: ***Hối lộ là việc sử dụng một lợi ích nào đó tác động vào hành vi của người có chức vụ, quyền hạn để hành vi của người đó (người có chức vụ, quyền hạn) diễn ra theo cách người đưa hối lộ mong muốn.*** Cho nên, hối lộ được biểu hiện bằng các hành vi phạm tội cụ thể và nói chung, các hành vi này đều bị hầu hết các quốc gia trên thế giới (trong đó có Việt Nam) coi là tội phạm, đồng thời ghi nhận biện pháp xử lý và chế tài nghiêm khắc.

1.1.1.2. Đặc điểm

Hồi lộ về bản chất là sự mua bán quyền lực, một hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức, nhất là về phía người nhận hồi lộ. Người nhận hồi lộ dứt khoát phải là người nắm giữ quyền lực và đã “bán” quyền lực đó để thu lợi bất chính cho mình.

Hành vi hồi lộ thực hiện được hay không phụ thuộc vào ba yếu tố: đưa hồi lộ, nhận hồi lộ và môi giới hồi lộ, trong đó, đưa và nhận hồi lộ đóng vai trò then chốt, môi giới hồi lộ như một chất xúc tác, tạo điều kiện thuận lợi hơn, an toàn hơn cho hành vi hồi lộ nói chung được thực hiện trôi chảy.

Để đấu tranh phòng chống hồi lộ, cần thiết phải nhìn rõ bản chất của ba loại hành vi này.

Thứ nhất, từ phía người đưa hồi lộ. Đưa hồi lộ thường là các doanh nhân hoặc cá nhân. Hồi lộ là một trong những cách dùng tiền bạc và vật chất để mê hoặc người ra quyết định, người có chức có quyền để doanh nghiệp nhận được hợp đồng béo bở hoặc bản thân cá nhân nào đó thực hiện được một việc có lợi cho mình (có thể hợp pháp hoặc phi pháp). Khi việc kinh doanh ngày càng khó khăn, cạnh tranh ngày càng khốc liệt, hồi lộ là cách để có được hợp đồng hoặc một sự cho phép nào đó từ phía người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan công quyền, để từ đó kiếm lời bất chính. Ở một số nước, nhiều doanh nghiệp coi hồi lộ là một chi phí cần thiết trong kinh doanh.

Đối với các cá nhân, có thể xảy ra hai trường hợp, hoặc là họ chủ động hồi lộ dưới hình thức quà cáp, hoặc là họ được gợi ý hay ép buộc. Lợi ích mà người đưa hồi lộ đạt tới cũng khá đa dạng: có thể đó là lợi ích chính đáng, hợp pháp nhưng vì họ gặp khó khăn về thủ tục hay bị sách nhiễu, gây khó dễ nên tìm cách “bôi trơn”. Cũng có khi người đưa hồi lộ nhằm vào một lợi ích bất hợp pháp, sau khi đã hạch toán giữa chi phí bỏ ra và lợi ích thu được họ quyết định “đầu tư” cho quan chức bằng cách hồi lộ để đạt được lợi ích phi pháp của mình. Như vậy, nếu như hành vi nhận hồi lộ luôn là hành vi có lỗi thì tính chất của hành vi đưa hồi lộ rất khác nhau và cần được xử lý khác nhau thì mới phù hợp.

Người đưa hối lộ nhiều khi do bị "ép buộc". Vụ lãnh đạo cao cấp của một ngân hàng lớn mới đây bị bắt đã chỉ ra rằng, nhiều doanh nghiệp muốn có được hợp đồng, thậm chí muốn rút được tiền cũng phải chi tiền.

Trong đa số các trường hợp, người đưa hối lộ thừa biết mình phạm pháp. Pháp luật của hầu hết các nước đều cấm không chỉ nhận hối lộ mà cả đưa hối lộ. Vì biết rõ điều này nên tâm lý người đưa hối lộ luôn căng thẳng vì có thể bị bắt và bị bỏ tù bất cứ lúc nào.

Thứ hai, từ phía người nhận hối lộ. Đã là người nhận hối lộ phải là người có chức có quyền. Không có quyền thế, không có quyền quyết định thì chắc họ không phải là đối tượng được nhận hối lộ. Lòng tham vốn là bản tính cố hữu của con người. Khi có quyền lực trong tay lại thiếu vắng sự kiểm soát chặt chẽ, người có quyền lực khó cưỡng nổi sự cám dỗ.

Không ít cán bộ có chức có quyền nhưng bị thoái hoá, biến chất. Họ tham tiền và chấp nhận việc nhận hối lộ. Thậm chí gợi ý, ép doanh nghiệp, cá nhân phải đưa hối lộ. Nếu không đưa hối lộ, họ tìm mọi cách làm khó dễ, thậm chí làm cho hỏng việc. Vì tham lam, họ bất chấp luật pháp, bao che, dung túng, thậm chí tiếp tay cho những hành vi phạm pháp, nhắm mắt trước những hậu quả sẽ xảy ra cho xã hội.

Người nhận hối lộ chắc chắn biết rằng, việc ăn đút lót, hối lộ là vi phạm nghiêm trọng pháp luật, rằng họ có nguy cơ một ngày nào đó phải đứng trước vành móng ngựa, chịu sự trừng phạt nghiêm khắc của luật pháp và sự khinh bỉ của nhân dân. Tuy nhiên có vẻ như, phần lớn những kẻ nhận hối lộ tin tưởng rằng, mình sẽ không bị phát hiện. Niềm tin sẽ không bị phát hiện càng được củng cố khi thực tế đang cho thấy, rất ít người bị phát hiện và xử lý về tội hối lộ.

Hành vi môi giới hối lộ và người môi giới hối lộ. Đây là hành vi chỉ xuất hiện khi xã hội phát triển đến mức độ nào đó, khi chuyện mua bán không thể thực hiện trực tiếp hoặc pháp luật đã quy định trừng trị những hành vi đưa, nhận hối lộ. Môi giới hối lộ chính là làm cho "cung/cầu" gặp nhau. Người cần được việc nhưng không biết chỗ bán, lại có người có ý định bán vì nhiều lý do khác nhau nhưng không biết rõ ai có ý định cần mua, hai đối tượng này không thể trực tiếp thực hiện

hành vi của mình. Khi đó xuất hiện các loại "cò" trung gian. Đôi khi người môi giới không vì mục đích kiếm lời mà đơn giản chỉ là muốn giúp người mua hoặc người bán. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, người môi giới thực hiện hành vi môi giới để kiếm lợi từ một trong hai phía hoặc từ cả hai phía: người đưa và nhận hối lộ. Thậm chí có những người đã coi môi giới là một nghề. Tất nhiên, do đưa hối lộ và nhận hối lộ là hành vi phi pháp nên "nghề môi giới" cũng được thực hiện một cách lén lút, không chính thức.

Các góc độ tác động của nạn hối lộ: Hối lộ là một hiện tượng vi phạm pháp luật và mọi người đều lớn tiếng phê phán, nhưng vì sao, nó lại có "sức sống" mãnh liệt như vậy? Như đã đề cập, trong quan hệ hối lộ, đa số trường hợp các bên tham gia hối lộ đều có phần lợi ích và vì thế, họ tìm mọi cách để che chắn cho nhau, rất khó phát hiện và cũng rất ít trường hợp người đưa hối lộ đi phát giác.

Hối lộ, về lâu dài, có ảnh hưởng đến chức năng quản lý nhà nước. Bệnh "bôi trơn" có thể bị lây lan sang khắp các lĩnh vực. Nếu "bôi trơn" trở thành phổ biến trong bộ máy nhà nước, người thực thi công việc tại các ngành khác nhau sẽ tập trung vào những phần công việc mang lại lợi nhuận nhất do "bôi trơn" mang lại.

Hối lộ làm hư hỏng đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, méo mó hoạt động công quyền, bẻ cong pháp luật và chà đạp lên công bằng xã hội.

Hối lộ làm cho các hoạt động hành chính trở thành nơi sách nhiễu người dân. Biến các chủ trương chính sách cởi mở của nhà nước thành phương tiện làm giàu và cơ quan nhà nước thành nơi ban ơn. Tệ nạn hối lộ có thể làm tê liệt hoạt động của chính quyền, biến chính quyền thành nơi làm ăn trục lợi. Tệ nạn hối lộ làm đảo lộn các giá trị đạo đức và văn hoá....

Sinh thời, Hồ Chí Minh đã lên án mạnh mẽ tệ nạn này. Trong một bài viết, Người đã trích dẫn cách hành xử của Lê-nin để bày tỏ thái độ đối với tệ nạn hối lộ. Người viết: *"Ngày 2/5/1918, Toà án nhân dân Mạc Tư Khoa xử nhẹ một vụ án hối lộ, Lê-nin không bằng lòng và viết: "Không xử bắn bọn ăn của đút mà xử một cách pha trò, mềm mỏng nhẹ nhàng như vậy, đó là một điều đáng xấu hổ cho những người cộng sản, cho những người cách mạng. Cần phải nêu những đồng chí đã ăn*

hồi lộ để dư luận quở trách và cần phải đuổi họ ra khỏi Đảng”. Cách vài hôm, Lê-nin viết cho thư cho cán bộ tư pháp: “Phải lập tức đề nghị một đạo luật để trừng trị những vụ hồi lộ (ăn hồi lộ, tặng hồi lộ và những cách hồi lộ khác). Ít nhất cũng phải phạt 10 năm giam cầm và 10 năm khổ sai”[7].

1.1.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm của các tội phạm hồi lộ

Ba tội phạm này được quy định tại các Điều 279, 289 và 290 thuộc Chương XXI - Các tội phạm về chức vụ của Bộ luật hình sự (BLHS). Chương XXI được chia thành 2 mục: Mục A - Các tội phạm về tham nhũng; Mục B - Các tội phạm khác về chức vụ.

Mặc dù cùng là các tội phạm về hồi lộ nhưng tội đưa hồi lộ và tội môi giới hồi lộ được xếp ở Mục B, còn tội nhận hồi lộ lại đặt ở Mục A. Điều này có nghĩa các nhà làm luật Việt Nam chỉ coi tội nhận hồi lộ là tội phạm về tham nhũng, còn hai tội đưa hồi lộ và tội làm môi giới hồi lộ không phải là các tội phạm về tham nhũng.

Quan điểm đó xuất phát từ cơ sở quy định của Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998 trước đây: “Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó để tham ô, hồi lộ hoặc cố ý làm trái pháp luật vì động cơ vụ lợi” (Điều 1). Theo định nghĩa này, hành vi tham nhũng được xác định bởi ba yếu tố căn bản: Thứ nhất, chủ thể là người có chức vụ, quyền hạn; thứ hai, có yếu tố lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó; thứ ba, có động cơ vụ lợi.

Các tội phạm về tham nhũng nói chung, tội nhận hồi lộ nói riêng theo quy định của BLHS Việt Nam phải có chủ thể của tội phạm là người có chức vụ, quyền hạn. Trong khi đó, chủ thể của tội đưa hồi lộ và làm môi giới hồi lộ có thể là bất kỳ người nào, không nhất thiết phải có chức vụ, quyền hạn, nên các tội phạm này không được xếp vào nhóm tội phạm về tham nhũng nhưng vẫn thuộc nhóm tội phạm khác về chức vụ vì chúng có liên quan chặt chẽ đến hành vi nhận hồi lộ, hơn nữa chúng còn liên quan đến việc thực thi công vụ của chính bản thân người có chức vụ, quyền hạn.

Ngoài ra, BLHS không mô tả hành vi đưa hối lộ và làm môi giới hối lộ. Hai tội này chỉ được nêu tội danh và định nghĩa dựa trên mô tả hành vi của tội nhận hối lộ để tránh sự trùng lặp không cần thiết. Vì vậy:

- Tội nhận hối lộ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- Tội đưa hối lộ là hành vi cố ý của một người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đưa một lợi ích vật chất có giá trị theo quy định của BLHS dưới bất kỳ hình thức nào cho người có chức vụ, quyền hạn để người này làm hoặc không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- Tội làm môi giới hối lộ là hành vi cố ý làm trung gian giúp người đưa hối lộ và người nhận hối lộ thỏa thuận về việc người nhận hối lộ thực hiện một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ để đổi lấy một lợi ích vật chất có giá trị theo quy định của BLHS do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện.

Mặc dù đều là tội phạm về hối lộ, nhưng vì chính các nhà làm luật đã chia nhóm giữa ba tội này nên tác giả sẽ phân tích các dấu hiệu cấu thành tội hối lộ với việc đề tội “nhận hối lộ” là một nhóm và hai tội “đưa hối lộ, môi giới hối lộ” làm một nhóm. Từ các khái niệm trên, có thể chỉ ra những dấu hiệu pháp lý cơ bản của ba tội phạm này cụ thể như sau:

1.1.2.1. Khách thể của các tội phạm hối lộ

- Tội nhận hối lộ

Có thể xác định được ngay khách thể của tội nhận hối lộ là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, cao hơn là chính là bị sụp đổ. Vì vậy, hối lộ cùng với tham ô được Đảng và Nhà nước ta coi là quốc nạn, phải đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi.

Hầu hết hành vi nhận hối lộ của người có chức vụ, quyền hạn là làm trái công vụ được giao, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức mà mình là thành viên, cá biệt

có trường hợp người có chức vụ, quyền hạn nhận hối lộ nhưng vẫn làm đúng chức năng nhiệm vụ, nhưng cho dù có làm đúng đi nữa thì hành vi nhận hối lộ của họ cũng đã xâm phạm đến uy tín của cơ quan, tổ chức mà họ là thành viên. Vì vậy, dù người có chức vụ, quyền hạn giải quyết đúng pháp luật nhưng nhận hối lộ để giải quyết theo yêu cầu của người đưa hối lộ thì hành vi nhận hối lộ vẫn xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

Đối tượng tác động của tội nhận hối lộ là *tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác*. Về tiền hoặc tài sản không có gì cần trao đổi nhưng đối với lợi ích vật chất khác thì có nhiều ý kiến khác nhau:

Có ý kiến cho rằng, điều luật quy định lợi ích vật chất khác là không cần thiết. Bởi lẽ, ngoài tiền hoặc tài sản ra thì khó có thể xác định được lợi ích vật chất khác là gì, vì đã là lợi ích vật chất thì chỉ tồn tại dưới hai dạng tiền hoặc tài sản, không có cái gọi là lợi ích vật chất phi tài sản, ngoài tài sản và tiền bạc ra không thể xác định lợi ích vật chất nào khác.

Tuy nhiên, trong thực tiễn xét xử có nhiều trường hợp người nhận hối lộ không nhận tiền hoặc tài sản, nhưng cái mà họ được người đưa hối lộ lại là một lợi ích vật chất, nhưng lợi ích này không tính ra tiền được hoặc chưa tính ra được bằng tiền. Ví dụ: Hứa cho hưởng hoa lợi, hưởng lãi suất cao, hứa cho đi du học v.v... các lợi ích này tuy là lợi ích vật chất nhưng lại không tính ra được bằng một số tiền cụ thể, có cũng không tồn tại dưới dạng tài sản cụ thể. Chính vì vậy, nhà làm luật quy định lợi ích vật chất khác cũng là để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

- ***Tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ***

Hành vi đưa hối lộ và làm môi giới hối lộ đều xâm hại một loại khách thể đó là những quan hệ xã hội bảo đảm cho hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, qua đó làm giảm uy tín của các cơ quan, tổ chức này.

1.1.2.2. Mặt khách quan của các tội phạm hối lộ

- ***Tội nhận hối lộ***

Đối với tội nhận hối lộ, các dấu hiệu thuộc mặt khách quan cũng là những dấu hiệu rất quan trọng để xác định hành vi phạm tội cũng như để phân biệt tội nhận hối lộ với các tội phạm khác.

a, Hành vi khách quan

Trước hết, cũng tương tự như tội tham ô tài sản, người phạm tội nhận hối lộ phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình. Nếu ở tội tham ô tài sản, hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn là để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý, thì ở tội nhận hối lộ người phạm tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn mà mình có để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ. Có thể nói thủ đoạn của hai tội phạm này như nhau chỉ khác nhau ở mục đích thực hiện hành vi.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ, nếu họ không có chức vụ, quyền hạn đó thì họ khó có thể thực hiện việc nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ; chức vụ, quyền hạn là điều kiện thuận lợi để người phạm tội thực hiện việc nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ. Ví dụ: Lý Công C là cán bộ tổ chức cơ quan X đã lợi dụng việc được Cơ quan giao cho nhiệm vụ tìm người thay một cán bộ sắp nghỉ hưu. Do nhu cầu hợp lý hoá gia đình, nên chị Nguyễn Thị M đang công tác ở Quảng Ninh có nguyện vọng xin về Hà Nội công tác, mặc dù chị M không đủ điều kiện vào cơ quan vì chưa có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhưng C vẫn hứa với chị M là lo được. Chị M đã đưa cho C 5 chỉ vàng và hứa khi nào xong việc sẽ đưa nốt cho C 5 chỉ vàng nữa. Sau khi nhận vàng của chị M, C đã báo cáo lãnh đạo cơ quan là chị C có đủ điều kiện, nên thủ trưởng cơ quan đã ra quyết định tiếp nhận chị M về cơ quan, nhưng khi kiểm tra lại hồ sơ, Trưởng phòng tổ chức, cán bộ mới phát hiện chị M không đủ điều kiện vào cơ quan công tác.

Tuy nhiên, người phạm tội có việc lợi dụng chức vụ để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ thì mới bị coi là nhận hối lộ. Nếu hành vi để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện không liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn thì cũng không bị coi là nhận hối lộ.

Trực tiếp hoặc qua trung gian để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ

Trực tiếp nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ là trường hợp người nhận hối lộ trực tiếp nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ không thông qua người khác như: A đưa hối lộ cho B bằng cách trực tiếp cầm tiền giao cho B hoặc chuyển tiền vào tài khoản của B tại ngân hàng.

Việc trực tiếp nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ, thực tiễn không có vấn đề vướng mắc. Tuy nhiên, cần phân biệt trường hợp người trực tiếp nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người khác nhưng người đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác lại không phải là người đưa hối lộ, cũng không phải là người môi giới hối lộ nhưng người nhận tiền vẫn là người nhận hối lộ. Ví dụ: Trong vụ án Tân Trường Sanh, cán bộ Phòng chống buôn lậu Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh mỗi lần nhận “tiền thưởng” của người có trách nhiệm phát, họ chỉ biết đó là tiền do các chủ hàng “bồi dưỡng” còn cụ thể tiền đó ai đưa, ai nhận họ không quan tâm. Mặc dù người phát tiền cho họ không phải là người đưa hối lộ cũng không phải là người môi giới hối lộ, mà người đưa tiền thực chất là người được phân công chia của hối lộ trong vụ nhận hối lộ tập thể (có tổ chức).

Qua trung gian để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ là trường hợp người nhận hối lộ không trực tiếp nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ hoặc người đưa hối lộ không trực tiếp đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người nhận hối lộ. Qua trung gian không nhất thiết là chỉ qua người thứ ba mà có thể qua nhiều người, nhiều khâu nhưng

cuối cùng thì tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người đưa hối lộ cũng đến với người nhận hối lộ.

Trường hợp qua trung gian để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác, không nhất thiết người nhận hối lộ phải biết người đưa hối lộ là ai, chỉ cần biết đó là của hối lộ là đã bị coi là nhận hối lộ. Tuy nhiên, người nhận hối lộ phải biết nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác là nhận của hối lộ, nếu có căn cứ xác định người nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác nhưng không biết đó là của hối lộ thì người nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác đó không bị coi là nhận hối lộ.

Đã nhận nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác Là trường hợp người nhận hối lộ đã nhận được tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác mà người đưa hối lộ trực tiếp hoặc qua trung gian giao cho, tức là người nhận hối lộ đã chiếm hữu số tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác như: đã cầm tiền, đã cầm tài sản, tiền đã được chuyển vào tài khoản của mình (Ngân hàng đã báo có)...

Sẽ nhận nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác là trường hợp người đưa hối lộ hứa sẽ giao tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác cho người nhận hối lộ nhưng chưa giao. Người nhận hối lộ và người đưa hối lộ mới thoả thuận với nhau về của hối lộ, nhưng chưa có việc giao nhận của hối lộ. Ví dụ: Trần Ngọc C là cán bộ kiểm lâm thuộc Chi cục kiểm lâm tỉnh B bắt được Nguyễn Văn S mua bán động vật quý hiếm. C yêu cầu S đưa cho C 10.000.000 đồng thì tha cho đi; vì không đem theo tiền, nên Nguyễn Văn S hứa nếu C không xử lý, S sẽ đưa cho C 10.000.000 đồng. Để làm tin, C yêu cầu S viết một giấy nhận nợ C số tiền 10.000.000 đồng.

Hành vi trực tiếp hoặc qua trung gian nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác *dưới bất kỳ hình thức nào* là việc nhận của hối lộ không bị phụ thuộc vào thủ đoạn mà người đưa và nhận hối lộ thực hiện. Hình thức ở đây là hình thức nhận hối lộ chứ không phải là hình thức giao nhận tiền, nên khi xác định hình thức nhận hối lộ trong một số trường hợp núp dưới danh nghĩa tương như hợp pháp thì cần xác định hình thức đó chính là thủ đoạn đưa và nhận hối lộ, còn hình thức cụ thể đó chỉ là thủ đoạn giao quyết để che giấu tội phạm. Tuy nhiên, nếu hình thức đó không phải là thủ đoạn đưa và nhận hối lộ thì đó lại là một quan hệ thuộc các lĩnh vực dân

sư, kinh tế, hành chính hoặc chỉ là quan hệ thuộc lĩnh vực đạo đức. Ví dụ: Thông qua một hợp đồng mua bán, nhưng hợp đồng mua bán đó về hình thức và nội dung đều đúng với quy định của pháp luật; người mua chuyển tiền, người bán giao hàng với giá cả thoả thuận thì không thể coi đó là thủ đoạn đưa và nhận hối lộ được.

Như vậy hình thức nhận hối lộ không phải là dấu hiệu bắt buộc đối với cấu thành tội nhận hối lộ, nhưng căn cứ vào hình thức ta xác định được thủ đoạn của hành vi nhận hối lộ do người phạm tội thực hiện. Trong nhiều trường hợp chính thông qua hình thức nhận hối lộ giúp ta xác định được đó là thủ đoạn nhận hối lộ hay chỉ là quan hệ xã hội khác. Tuy nhiên, cũng chính do quy định này nên trong việc xác định đâu là thủ đoạn nhận hối lộ, đâu là quan hệ xã hội khác là một vấn đề phức tạp đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng phải đánh giá một cách tổng hợp tất cả các tình tiết của vụ án một cách khách quan, toàn diện để tìm ra sự thật.

Để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ

Đây là dấu hiệu rất quan trọng thuộc mặt khách quan của tội phạm này và thực tiễn xét xử khi xác định dấu hiệu này của tội nhận hối lộ trong nhiều vụ án các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng còn có nhiều ý kiến khác nhau dẫn đến việc xác định hành vi phạm tội cũng rất khác nhau. Quan niệm chung của xã hội khi đánh giá một hành vi đưa và nhận hối lộ là phải có tiền thì mới được việc dù việc đó giải quyết đúng hay sai người có yêu cầu giải quyết không quan tâm. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng cũng thường nêu ra lý do người nhận hối lộ không làm trái công vụ để miễn truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt và coi đây là một tình tiết giảm nhẹ đặc biệt.

Để làm một việc vì lợi ích của người đưa hối lộ là hành vi của người nhận hối lộ đã sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình để giải quyết cho người đưa hối lộ một việc nào đó, mà việc đó có lợi cho chính người đưa hối lộ như: Thẩm phán nhận hối lộ của bị cáo để cho bị cáo được hưởng án treo; Điều tra viên nhận hối lộ

của bị can đang bị tạm giam để đề xuất thay đổi biện pháp tạm giam thành biệt pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Kiểm sát viên nhận hối lộ của bị can để ra quyết định đình chỉ điều tra; Cán bộ của sở nhà đất hoặc của Ủy ban nhân dân nhận hối lộ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.v.v... Có thể nói, trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đều có thể xảy ra việc đưa và nhận hối lộ. Tuy nhiên, để phân biệt dấu hiệu này với các dấu hiệu khác, thì chỉ cần xem người phạm tội làm một việc và việc đó đem lại lợi cho người đưa hối lộ hay người khác mà người đưa hối lộ quan tâm. Nếu người nhận hối lộ làm một việc vì lợi ích của chính người đưa hối lộ thì thuộc trường hợp phạm tội này, nếu người nhận hối lộ làm một việc lại vì lợi ích của người khác không phải của người đưa hối lộ thuộc trường hợp “để làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ”.

Để làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ là trường hợp người nhận hối lộ đã sử dụng chức vụ, quyền hạn của mình để giải quyết cho người đưa hối lộ một việc nào đó, mà việc đó đem lại lợi ích cho người khác mà người đưa hối lộ quan tâm như: Bố mẹ đưa hối lộ để xin học cho con; con đưa hối lộ chạy tội cho bố mẹ; vợ hoặc chồng đưa hối lộ để chạy tội cho chồng hoặc vợ; anh chị em đưa hối lộ để chạy tội cho nhau...

Không làm một việc vì lợi ích của người đưa hối lộ là trường hợp vì đã nhận hối lộ nên người phạm tội không thực hiện một việc mà lẽ ra họ phải thực hiện và do không thực hiện nhiệm vụ đó nên đã đem lại lợi ích cho người đưa hối lộ. Ví dụ: Không thi hành lệnh bắt tạm giam, để người phạm tội bỏ trốn; không ra lệnh thi hành án phạt tù để người bị kết án bỏ trốn hoặc hết thời hiệu thi hành án; không bắt người đang phá trại giam để bỏ trốn; không thi hành lệnh cưỡng chế giải phóng mặt bằng... Khoa học luật hình sự coi trường hợp phạm tội này là không hành động, tức là không làm một việc mà pháp luật bắt người có chức vụ, quyền hạn phải làm.

Không làm một việc theo yêu cầu của người đưa hối lộ là trường hợp cũng tương tự như trường hợp không làm một việc vì lợi ích của người đưa hối lộ, chỉ khác ở chỗ: lợi ích mà người nhận hối lộ đem lại không phải cho người đưa hối lộ mà là cho người khác mà người đưa hối lộ quan tâm, có thể là những người thân

của người đưa hối lộ nhưng cũng có thể chỉ là bạn bè của người đưa hối lộ. Ví dụ: Phạm Văn Ph bị bắt về tội cưỡng đoạt tài sản và mặt dù Ph không yêu cầu, cũng không có ý định đưa hối lộ, nhưng vì muốn lo cho Ph nhẹ tội, nên Trần Văn K đã đến gặp và đưa hối lộ cho Nguyễn Văn M là điều tra viên được phân công điều tra vụ án 1.000 USD và nhờ M tìm cách làm nhẹ tội cho Ph.

Tóm lại, bị coi là hành vi nhận hối lộ nếu người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình trực tiếp hoặc quan trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào.

b, Hậu quả

Cũng như hậu quả của các tội phạm khác, hậu quả của tội nhận hối lộ là những thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất cho xã hội.

Hậu quả của hành vi nhận hối lộ không phải là dấu hiệu bắt buộc, tức là, dù hậu quả chưa xảy ra thì hành vi của người phạm tội vẫn cấu thành tội phạm.

Đối với tội nhận hối lộ, nhà làm luật quy định giá trị của hối lộ làm ranh giới phân biệt tội phạm với hành vi vi phạm, nên có quan điểm cho rằng, giá trị của hối lộ là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm và nếu chưa nhận hối lộ hoặc đã nhận hối lộ nhưng giá trị của hối lộ dưới mức quy định của điều luật thì chưa cấu thành tội phạm; coi giá trị của hối lộ là hậu quả của tội phạm. Đây là sự nhầm lẫn giữa hậu quả của tội phạm với giá trị của hối lộ là dấu hiệu khách quan của tội phạm.

Đối với tội nhận hối lộ, nhà làm luật quy định giá trị của hối lộ từ hai triệu đồng trở lên mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự, còn nếu dưới hai triệu đồng thì phải có thêm những điều kiện như: Gây hậu quả nghiêm trọng; đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Quy định này không có nghĩa là trong mọi trường hợp người phạm tội đã nhận hối lộ mà của hối lộ hai triệu đồng đồng hoặc dưới hai triệu đồng có kèm theo điều kiện thì mới cấu thành tội phạm, mà quy định này chỉ đối với trường hợp người phạm tội có ý định nhận hối lộ hai triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng và ngay cả với hai trường hợp này nếu

người phạm tội chưa nhận của hối lộ thì hành vi của họ vẫn cấu thành tội phạm nhưng thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, nếu người phạm tội mới có ý định nhận hối lộ hai triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng và đã làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ nhưng chưa nhận được của hối lộ thì người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

Nếu người phạm tội nhận hối lộ dưới hai triệu đồng ngoài những điều kiện: Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm; Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích đã nêu ở phần các dấu hiệu thuộc về nhân thân người phạm tội thì còn phải gây hậu quả nghiêm trọng thì mới cấu thành tội phạm. Trong trường hợp này thì hậu quả nghiêm trọng là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội nhận hối lộ.

Hậu quả nghiêm trọng do hành vi nhận hối lộ gây ra là những thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khoẻ, tài sản và những thiệt hại phi vật chất cho xã hội. Tuy chưa có hướng dẫn thế nào là gây hậu quả nghiêm trọng do hành vi nhận hối lộ gây ra nhưng căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự đối chiếu với hướng dẫn về các tội phạm khác trong Bộ luật hình sự, thì có thể coi các thiệt hại sau là hậu quả nghiêm trọng do hành vi nhận hối lộ gây ra như: Làm chết một người; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của một đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên; Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khoẻ của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;... Trong các trường hợp này phải tùy vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra đã là nghiêm trọng chưa.

- Tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ

Mặt khách quan của tội đưa hối lộ và tội làm môi giới hối lộ đều đặc trưng bởi *hành vi phạm tội*. Theo đó:

Hành vi đưa hối lộ chỉ được gọi tên tại Điều 289: “Người nào đưa hối lộ...”. Như vậy, hành vi ở đây chỉ gồm có hành vi “đưa” của hối lộ chứ chưa bao gồm các

hành vi “gợi ý đưa”, “hứa đưa” của hối lộ. Hành vi đưa của hối lộ đó có thể được thực hiện dưới bất kể hình thức nào, có thể do người đưa hối lộ trực tiếp đưa hoặc đưa qua người làm môi giới, có thể đưa trao tay có thể gửi qua các dịch vụ chuyển gửi v.v...

Theo quy định này, tội đưa hối lộ chỉ cấu thành khi người đưa hối lộ đó có hành vi đưa “của hối lộ”. Điều này đã thể hiện sự không thống nhất với Điều 279 BLHS về tội nhận hối lộ vì được xác định là hành vi “đã nhận hoặc sẽ nhận” của hối lộ.

Hành vi làm môi giới hối lộ cũng được Điều 290 BLHS nêu tên: “Người nào làm môi giới hối lộ...”. Như vậy, người làm môi giới hối lộ chỉ cần truyền đạt thỏa thuận hối lộ giữa các bên đưa hối lộ và nhận hối lộ là tội phạm đó hoàn thành. Tuy nhiên, trong thực tiễn, do mối quan hệ hữu cơ chặt chẽ giữa tội làm môi giới hối lộ với tội đưa hối lộ và nhận hối lộ nên thời điểm hoàn thành của tội phạm này phải tương ứng với thời điểm hoàn thành hai tội phạm trên mới chính xác. Tính chất nguy hiểm của hành vi làm môi giới hối lộ chỉ thể hiện khi có hành vi hối lộ (đưa hoặc nhận hối lộ).

Ngoài ra, hành vi làm môi giới hối lộ còn có đặc điểm là nó được chủ thể (người môi giới) thực hiện một cách khách quan, theo sự yêu cầu của các bên, thể hiện vai trò làm cầu nối của chủ thể đối với việc đưa và nhận hối lộ. Hành vi làm môi giới chủ yếu nhằm giúp các bên đi đến thỏa thuận hối lộ chứ không can thiệp vào nội dung thỏa thuận. Nếu người thực hiện vai trò trung gian hối lộ xuất phát từ lập trường chủ quan của mình (không phải do yêu cầu của người đưa hoặc nhận hối lộ) thì đó là người đồng phạm đưa hối lộ hoặc nhận hối lộ chứ không phải người làm môi giới hối lộ.

Đối tượng tác động của hành vi đưa hối lộ, làm môi giới hối lộ hết sức đặc biệt, chính là chủ thể của tội nhận hối lộ, là người có chức vụ, quyền hạn. Theo quy định tại Điều 277 BLHS, người có chức vụ là “người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi

thực hiện công vụ”. Bên cạnh đó, những đối tượng cụ thể được coi là người có chức vụ, quyền hạn còn được xác định theo Điều 1 Luật PCTN năm 2005, sửa đổi năm 2007, 2012.

Như vậy, người có chức vụ, quyền hạn ở đây là những người công tác trong cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội nhưng được giao thực hiện công vụ hoặc đại diện cho quyền lực công. Dấu hiệu pháp lý đặc trưng tiếp theo thuộc mặt khách quan của tội đưa hối lộ và làm môi giới hối lộ là “của hối lộ”. Trong các tội phạm này, “của hối lộ” được xem như một dạng công cụ, phương tiện để thực hiện mục đích phạm tội. “Của hối lộ” được xác định từ Điều 279 BLHS (tội nhận hối lộ) bao gồm: Tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác. Ngoài tiền, tài sản còn có thể là bất kỳ lợi ích trị giá được thành tiền như: Giấy tờ có giá trị thanh toán, quyền hưởng dịch vụ không mất phí, quyền mua tài sản, hàng hóa với giá rẻ hơn thực tế... thể hiện rất phong phú và khác nhau trong thực tế. “Của hối lộ” không nhất thiết là của người đưa hối lộ, nhưng đối với người nhận hối lộ thì nó được xem là “vật có được”. Lưu ý, các lợi ích về tinh thần không được các nhà làm luật nước ta coi là “của hối lộ” (ví dụ: Cho quan hệ tình dục, thành tích khen thưởng, việc tạo điều kiện tốt cho người thân... không phải là “của hối lộ”). Ngoài ra, “của hối lộ” là một lợi ích vật chất, đồng thời còn phải có giá trị hai triệu đồng trở lên. Nếu “của hối lộ” có giá trị dưới hai triệu đồng thì hành vi đưa hối lộ hoặc làm môi giới hối lộ phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A của Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

1.1.2.3. Mặt chủ quan của các tội phạm hối lộ

- Tội nhận hối lộ

Người phạm tội nhận hối lộ thực hiện hành vi của mình là cố ý (cố ý trực tiếp), tức là, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra; không có trường hợp nhận hối lộ nào được thực hiện do cố ý gián tiếp, vì người phạm tội bao giờ cũng mong muốn nhận được của hối lộ.

Mặc dù điều luật quy định đã nhận hoặc sẽ nhận, nhưng không vì thế mà cho rằng ý định nhận hối lộ của người phạm tội có sau khi thực hiện hành vi phạm tội, cho dù người phạm tội sẽ nhận của hối lộ sau khi làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì người nhận hối lộ vẫn có ý định nhận của hối lộ trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Mục đích của người phạm tội là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Nếu người phạm tội không có ý định nhận của hối lộ thì dù họ có làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ thì cũng không phải nhận hối lộ.

- Tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ.

Về mặt chủ quan của tội phạm, Điều 289 và 290 Bộ luật hình sự không nêu cụ thể hình thức lỗi của tội đưa hối lộ và tội làm môi giới hối lộ. Tuy nhiên, lỗi của người phạm tội về hối lộ được thừa nhận cả về lý luận cũng như trong thực tiễn xét xử là lỗi cố ý trực tiếp. Hơn nữa, bản thân dấu hiệu hành vi trong mặt khách quan của các tội phạm này cũng đã phản ánh lỗi cố ý trực tiếp của người phạm tội (“đưa” và “làm môi giới” hối lộ).

1.1.2.4. Chủ thể của các tội phạm hối lộ

- Tội nhận hối lộ

Đối với tội nhận hối lộ, các dấu hiệu thuộc về chủ thể của tội phạm là các dấu hiệu quan trọng nhất để xác định hành vi phạm tội, là dấu hiệu phân biệt sự khác nhau giữa tội hối lộ với các tội phạm khác do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện.

Cũng như chủ thể của các tội phạm khác, chủ thể của tội nhận hối lộ cũng phải đảm bảo các yếu tố (điều kiện) cần và đủ như: độ tuổi, năng lực trách nhiệm hình sự quy định tại các Điều 12, 13 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đối với tội nhận hối lộ, chỉ những người sau đây mới có thể là chủ thể của tội phạm này:

Trước hết, người phạm tội nhận hối lộ phải là người có chức vụ, quyền hạn, nhưng lại không giống như người có chức vụ, quyền hạn trong tội tham ô tài sản. Nếu người có chức vụ, quyền phạm tội tham ô tài sản phải là người có liên quan đến việc quản lý tài sản, thì người có chức vụ, quyền hạn phạm tội nhận hối lộ

không nhất thiết phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản. Phạm vi chức vụ, quyền hạn của người phạm tội nhận hối lộ rộng hơn. Tuy nhiên, người phạm tội nhận hối lộ lại không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý mà là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.

Người có chức vụ, quyền hạn là người đã được nêu ở phần khái niệm các tội phạm về chức vụ. Tuy nhiên, đối với chủ thể của tội nhận hối lộ có tổ chức, ngoài những người có chức vụ, quyền hạn còn có thể có những người không có chức vụ, quyền hạn là chủ thể của tội phạm nhưng họ chỉ có thể là người tổ chức, người xúi dục, người giúp sức còn người thực hành nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn.

Người có chức vụ, quyền hạn, phải là người có trách nhiệm trong việc giải quyết những yêu cầu của người đưa hối lộ. Những yêu cầu đó có thể là yêu cầu về lợi ích vật chất hoặc phi vật chất của người đưa hối lộ. Tuy nhiên, người có chức vụ, quyền hạn khi giải quyết những yêu cầu của người đưa hối lộ phải là việc thực hiện công vụ. Nếu có chức vụ, quyền hạn khi giải quyết yêu cầu cho người khác để nhận tiền hoặc lợi ích vật chất của họ, nhưng không phải là thực hiện công vụ thì không phải là nhận hối lộ.

Người có trách nhiệm đối với việc giải quyết yêu cầu của người đưa hối lộ là người được giao nhiệm vụ và do nhiệm vụ đó mà họ có quyền đối với việc giải quyết yêu cầu của người khác. Những người này, muốn xác định chỉ cần căn cứ vào Điều 1 Pháp lệnh cán bộ công chức và Nghị định số 95/1998/NĐ-CP ngày 17-11-1998 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức như đã phân tích ở phần thứ nhất.

Cũng như chủ thể của tội tham ô tài sản, chủ thể của tội nhận hối lộ là chủ thể đặc biệt, tức là chỉ chỉ có những người có chức vụ, quyền hạn mới nhận hối lộ được. Tuy nhiên, khẳng định này chỉ đúng đối với trường hợp vụ án nhận hối lộ không có đồng phạm, còn trong vụ án có đồng phạm thì có thể có cả những người không có chức vụ, quyền hạn nhưng họ chỉ có thể là người tổ chức, người xúi dục,

người giúp sức, còn người thực hành trong vụ án có đồng phạm, thì nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn.

Tương tự như đối với tội tham ô tài sản, nếu người phạm tội chỉ nhận hối lộ dưới hai triệu đồng thì phải là người trước đó đã bị xử lý kỷ luật về hành vi nhận hối lộ bằng một trong những hình thức kỷ luật theo quy định của Nhà nước hoặc theo quy định trong Điều lệ của tổ chức và chưa hết thời hạn được xoá kỷ luật, nay lại có hành vi nhận hối lộ. Nếu trước đó người phạm tội tuy có bị xử lý kỷ luật, nhưng về hành vi khác không phải là hành vi nhận hối lộ thì cũng chưa cấu thành tội phạm này. Ví dụ: Đặng Văn H là cán bộ tín dụng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đã bị xử lý kỷ luật cảnh cáo về hành vi thiếu trách nhiệm trong việc thẩm định tài sản thế chấp nên Ngân hàng đã cho vay không đúng với quy định. Trong thời gian chưa quá một năm kể từ ngày có quyết định kỷ luật, Đặng Văn H lại nhận hối lộ 800.000 đồng của Bùi Văn Q để xác nhận không đúng giá trị tài sản thế chấp để Bùi Văn Q được vay 100.000.000 đồng của Ngân hàng. Mặc dù Đặng Văn H đã bị xử lý kỷ luật, nhưng không phải do hành vi nhận hối lộ mà là do hành vi thiếu trách nhiệm nên hành vi nhận hối lộ 800.000 đồng của H chưa cấu thành tội phạm.

Nếu người phạm tội nhận hối lộ có giá trị dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm thì hành vi nhận hối lộ đã cấu thành tội phạm và người phạm tội bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ.

Đã bị kết án về tội quy định tại mục A chương này chưa được xoá án tích mà còn vi phạm là trường hợp, trước khi thực hiện hành vi nhận hối lộ, người phạm tội đã bị Toà án kết án về một trong các tội: Tội tham ô tài sản (Điều 278); tội nhận hối lộ (Điều 279); tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 281); tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 282); tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi (Điều 283) và tội giả mạo trong công tác (Điều 284), nhưng chưa được xoá án tích theo quy định tại Điều 77 Bộ luật hình sự. Nếu

người phạm tội bị kết án về tội phạm khác (không phải là một trong 7 tội phạm trên) hoặc tuy đã bị kết án về một trong 7 tội phạm trên nhưng đã được xoá án tích thì cũng chưa cấu thành tội nhận hối lộ.

Dù là người có chức vụ, quyền hạn hay người đồng phạm khác trong vụ án thì họ cũng chỉ trở thành chủ thể của tội phạm này trong những trường hợp sau:

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 279 Bộ luật hình sự, vì các trường hợp nhận hối lộ quy định tại các khoản trên là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Tuy nhiên, đối với những người này họ chỉ có thể là đồng phạm trong vụ án nhận hối lộ với vai trò giúp sức, vì những người này chưa thể trở thành cán bộ, công chức. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cũng có trường hợp người dưới 16 tuổi lại là người chủ mưu, khởi xướng, giúp sức trong vụ án nhận hối lộ có đồng phạm như: Được người có chức vụ, quyền hạn giao cho đi nhận tiền của người đưa hối lộ, được giao đưa thư, đưa tài liệu...

Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 279 Bộ luật hình sự mà chỉ những người đủ 16 tuổi trở lên mới chịu trách nhiệm hình sự về tội nhận hối lộ theo khoản 1 của Điều 279 Bộ luật hình sự, vì theo quy định tại Điều 12 Bộ luật hình sự thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Đối với tội nhận hối lộ quy định tại khoản 1 của điều luật là tội phạm nghiêm trọng.

- Tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ

Khác với tội nhận hối lộ, tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ không phải là chủ thể đặc biệt, người phạm tội không nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn và cũng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Hai tội này có chủ thể có thể là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện. Trên thực tế, có những trường hợp chủ thể thực hiện hành vi hối lộ vì lợi ích của cơ quan, tổ chức, theo quyết định của cơ quan, tổ chức nhưng BLHS Việt Nam hiện hành không quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

Nếu dùng tài sản Nhà nước để đưa hối lộ, thì người đưa hối lộ sẽ bị xử lý theo khoản 2 Điều 289 BLHS; còn nếu biết của hối lộ là tài sản Nhà nước, thì người làm môi giới hối lộ cũng bị xử lý theo khoản 2 Điều 290 BLHS.

Còn trường hợp hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ nếu được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương của mình vì vụ lợi thì bị coi là hành vi tham nhũng và bị xử lý theo Luật PCTN (khoản 8 Điều 3) [10].

1.1.3. Phân biệt các tội phạm hối lộ với các tội phạm khác có liên quan

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định 7 tội phạm là tội phạm về tham nhũng, đó là: tội tham ô tài sản; tội nhận hối lộ; tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ; tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi và tội giả mạo trong công tác.

Sau đây chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu so sánh tội nhận hối lộ với các tội phạm cụ thể khác về tham nhũng.

1.1.3.1. Phân biệt tội nhận hối lộ với tội tham ô tài sản (Điều 178)

Tham ô tài sản là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý [14]. Theo quan niệm truyền thống, tham ô là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn lấy của công làm của riêng, là việc làm xấu xa bị xã hội lên án; tham ô được coi như là một thứ bệnh hoạn, làm giảm lòng tin của nhân dân vào bộ máy Nhà nước.

Khi còn sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng: “*đứng về phía cán bộ mà nói; tham ô là ăn cắp của công thành của tư; đục khoét của nhân dân; ăn bớt của bộ đội; tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung, của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô*”[8]. Tham ô là một trong những hành vi tham nhũng, nhưng có thể nói cùng với hành vi nhận hối lộ, nó là hành vi chủ yếu của tham nhũng, đặc trưng điển hình của tệ tham nhũng.

Điểm khác biệt giữa tội tham ô và tội nhận hối lộ chính là nguồn gốc số tài sản và hành vi. Nếu như tham ô là hành vi “chiếm đoạt” thì hối lộ là hành vi “nhận

hoặc sẽ nhận”; nguồn gốc tài sản của tham ô là “ tài sản do mình có trách nhiệm quản lý” tức là tài sản công còn tài sản hối lộ là của người khác mang đến.

1.1.3.2. Phân biệt tội nhận hối lộ với tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 180)

Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn và đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn đó để chiếm đoạt tài sản của người khác[14].

Nghĩa là đối với tội nhận hối lộ thì người phạm tội nhận hối lộ chỉ lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để nhận tiền, tài sản chứ không có hành vi “chiếm đoạt” như tội lạm dụng chiếm đoạt tài sản. và tội nhận hối lộ có sự thỏa thuận trước.

Đối với tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản thì người phạm tội có hành vi chiếm đoạt tài sản mà không nhất thiết tài sản đó là do mình quản lý mà là tài sản của tất cả cá nhân, tổ chức. và tội làm dụng chức vụ chiếm đoạt tài sản không có sự thỏa thuận trước.

1.1.3.3. Phân biệt tội nhận hối lộ với tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 183)

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn, lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm [14].

Tội phạm này gần giống với tội nhận hối lộ nhưng vì người phạm tội không thỏa mãn yếu tố chủ thể của tội nhận hối lộ, vì người phạm tội nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của người khác nhưng họ không có trách nhiệm giải quyết yêu cầu của người đưa tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác mà phải tác động với người có trách nhiệm trực tiếp yêu cầu cho người “đưa hối lộ”.

Ngoài những điểm giống nhau thì thời điểm hoàn thành tội phạm cũng giống nhau khi hai bên đã thỏa thuận xong việc nhận tiền, tài sản và đặc điểm nữa là hai tội này có sự thông đồng trước về việc nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác.

Điểm khác biệt cơ bản nhất chính là người phạm tội nhận hối lộ dụng chức vụ, quyền hạn của mình để làm hoặc không làm một việc có lợi cho người đưa hối lộ. Còn người phạm tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi lại lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để thúc đẩy người khác làm hoặc không làm một việc có lợi cho người yêu cầu. Ví dụ: cấp trên dùng ảnh hưởng của mình đối với cấp dưới để gây ảnh hưởng hoặc thúc đẩy cấp dưới làm công việc có lợi cho mình.

1.1.3.4. Phân biệt tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ với tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 191)

Lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi là hành vi dùng ảnh hưởng của mình đối với người có chức vụ, quyền hạn nhằm thúc đẩy người này làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của họ hoặc làm một việc không được phép làm để nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào[14].

Tội phạm này có dấu hiệu của tội nhận hối lộ nhưng không phải là nhận hối lộ vì người nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất của người khác, nhưng không có hành vi làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm của mình hoặc làm một việc không được phép làm, mà hành vi này lại do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện do bị thúc đẩy. Có thể nói, trong vụ án lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi, có người đưa hối lộ nhưng lại không có người nhận hối lộ, vì người nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác không phải người phạm tội nhận hối lộ; không có hành vi nhận hối lộ trong vụ án lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi.

Trong xã hội hiện nay, loại tội phạm này tương đối phổ biến và thường xảy ra trong trường hợp người phạm tội là người có ảnh hưởng lớn đối với người có chức vụ, quyền hạn; họ thường là những người đang có chức vụ, quyền hạn hoặc đã

từng là người có chức vụ, quyền hạn là thủ trưởng, cấp trên của người đang có chức vụ, quyền hạn; nếu không phải là người đã từng có chức vụ, quyền hạn thì họ người thân thích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc có mối quan hệ xã hội có ảnh hưởng lớn đến người có chức vụ, quyền hạn như là ân nhân, là thầy giáo, cô giáo, bạn học...

Chủ thể của tội phạm này không phải là chủ thể đặc biệt, người phạm tội không nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn và cũng không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội, mà chỉ lợi dụng ảnh hưởng của mình đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi. Việc nhà làm luật quy định tội phạm này trong chương “các tội phạm về chức vụ” là vì khách thể của tội phạm chứ không phải vì chủ thể của tội phạm. Tuy nhiên, người phạm tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi cũng có thể là người có chức vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ quyền hạn để trục lợi, nhưng không phải là bắt buộc đối với tội phạm này.

Bởi vậy tội này được đặt trong nhóm các tội phạm khác về chức vụ cùng với tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ chứ không ở cùng nhóm tham nhũng với tội nhận hối lộ.

1.2. Quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về các tội hối lộ

1.2.1 Khái quát quá trình hình thành và hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về các tội phạm hối lộ (từ 1945 đến trước 2015)

1.2.1.1. Giai đoạn từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến pháp điển hóa lần thứ nhất - Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Khi cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân còn non trẻ phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Đất nước rơi vào tình trạng một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, lại bị Pháp - Nhật vơ vét xơ xác, hậu quả của chiến tranh và thiên tai đã tàn phá. Ở miền Bắc có khoảng 2000 quân Tưởng Giới Thạch mượn danh nghĩa quân đồng minh vào tước vũ khí quân Nhật, nhưng mục đích của Tưởng là giúp đỡ bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền nhân dân để lập một chính phủ làm tay sai cho chúng. Ở miền Nam, quân đội Pháp được quân Anh hỗ

trợ xâm lược đánh chiếm Sài Gòn, rồi sau đó đánh mở rộng ra miền Bắc và Nam Trung Bộ.

Trong tình hình đó, nhân dân ta phải thực hiện ba nhiệm vụ lớn, đó là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm, và giữ vững chính quyền là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng ta. Chính vì vậy ngay từ khi mới hình thành, pháp luật hình sự của chính quyền nhân dân đã tập trung thực hiện các nhiệm vụ đó. Sau ba ngày Hồ Chủ Tịch đọc bản tuyên ngôn độc lập lịch sử, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa Nhà nước ta đã ban hành nhiều sắc lệnh. Trong đó có sắc lệnh số 223-SL ngày 17/11/1946, sắc lệnh này được ban hành nhằm trừng trị các tội nhận hối lộ, đưa hối lộ, phù lạm hoặc biển thủ công quỹ. Tuy được xây dựng trong những năm đầu thành lập đất nước nhưng trong sắc lệnh này đã quy định hết sức tiến bộ về kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta lúc bấy giờ. Trong sắc lệnh số 223/SL ngày 17/11/1946 quy định hướng dẫn các Tòa án trừng trị một số một số tội phạm liên quan đến tài sản, sắc lệnh số 267/SL ngày 15/6/1956 quy định về việc trừng trị âm mưu hoạt động phá hoại làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, làm cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hóa. Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 21/10/1970 quy định về việc trừng trị các tội phạm xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân bằng việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn của những người có chức có quyền trong đó pháp lệnh cũng quy định những biện pháp, chế tài phòng chống tội phạm nói chung, tội tham nhũng nói riêng.

Sau ngày giải phóng miền Nam, năm 1976 sắc lệnh số 03 được Chính phủ cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam ban hành ngày 15/3/1976, sắc lệnh này quy định thêm tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn và quy định tội nhận và đưa hối lộ. Đến năm 1979 trong bối cảnh Mỹ và các nước thù địch khác ra sức bao vây, cấm vận, chúng ta phải đối phó với hai cuộc chiến tranh quy mô lớn ở biên giới phía Tây Nam và phía Bắc. Ngoài ra, đất nước ta còn phải đương đầu với những khó khăn khác về kinh tế và đời sống, tình hình tiêu cực nhất là tội hối lộ vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Trước tình hình đó, Nghị quyết hội nghị lần 06 của Ban chấp hành

Trung ương Đảng khóa IV đã đề ra chủ trương “*Kiên quyết đấu tranh những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội nhất là tệ nạn ăn cắp, hối lộ ức hiếp quần chúng*”[3], thể chế hóa nghi quyết của Đảng và trên cơ sở Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 ngày 20/5/1981, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh trừng trị tội hối lộ. Pháp lệnh này ra đời đã thay thế các văn bản trước đó về tội hối lộ, lần đầu tiên trong pháp lệnh tội đưa hối lộ và môi giới hối lộ được quy định tại điều luật một cách độc lập. Sự ra đời của pháp lệnh là một sự kiện pháp lý quan trọng, góp phần giữ vững và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, động viên mọi công dân tích cực đấu tranh chống tội hối lộ và các hiện tượng tiêu cực xã hội. Pháp lệnh thể hiện tinh thần đấu tranh rất mạnh mẽ và triệt để đối với tội nhận hối lộ, trừng trị tội nhận hối lộ dưới nhiều hình thức, đồng thời thể hiện rõ chính sách phân hóa cao trong xử lý. Cũng trong pháp lệnh này, tại Điều 9 quy định một trường hợp đặc biệt: “*Người nào bị ép buộc đưa hối lộ, nếu chủ động khai báo trước khi bị phát giác, thì được coi là không có tội*”. Chính sự phân hoá cao độ đối với những đối tượng thực hiện hành vi nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ có ý nghĩa rất quan trọng nhằm khuyến khích việc phát hiện tội hối lộ để đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm thường rất khó phát hiện này. ...

1.2.1.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được những thành tựu rất quan trọng trong một số lĩnh vực, cải tiến được một phần cơ cấu của nền kinh tế xã hội, tạo ra những cơ sở đầu tiên cho sự phát triển mới. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó chúng ta đã gặp không ít những khó khăn và khuyết điểm, như chủ quan duy ý chí, duy trì quá lâu mô hình kinh tế quan liêu, bao cấp nên không thực hiện được mục tiêu đã đề ra là ổn định tình hình kinh tế xã hội và đời sống nhân dân, pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm tăng cường, pháp luật kỷ cương bị buông lỏng. Chính vì vậy việc ban hành Bộ luật hình sự trong thời kỳ này là một vấn đề có tính tất yếu khách quan và cấp thiết, có ý nghĩa góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc Việt Nam dân chủ cộng

hòa. Vì vậy, để thực hiện để thực hiện được các nhiệm vụ đó, ngày 27/6/1985 tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII đã thông qua Bộ luật Hình sự và đã có hiệu lực ngày 01/01/1986. Bộ luật hình sự năm 1985 là bước tiến quan trọng trong lịch sử lập pháp hình sự ở nước ta.

Có thể nói, Bộ luật hình sự năm 1985 đã kế thừa và phát triển những thành tựu của luật hình sự Việt Nam nhất là từ sau cách mạng tháng Tám. Đây là Bộ luật hình sự đầu tiên của Nhà nước ta, bộ luật này bao gồm 2 phần: phần chung và phần các tội phạm, tổng cộng có 20 Chương với 280 Điều, trong đó quy định các tội về tham nhũng một cách tương đối và đầy đủ tạo điều kiện cho việc xử lý tội phạm tham nhũng trong thời gian qua. Riêng trong Bộ luật hình sự năm 1985, thì tội nhận hối lộ được quy định tại Điều 226 và được sửa đổi, bổ sung tới ba lần: lần thứ nhất vào ngày 12/8/1991, lần hai vào ngày 22/12/1992 và lần thứ ba vào ngày 10/5/1997. Mặc dù đã sau ba lần sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay. Nhiều trường hợp nhận hối lộ rất nghiêm trọng thậm chí đặc biệt nghiêm trọng, nhưng do quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ hoặc cách xác định các tình tiết của vụ án, về các dấu hiệu cấu thành tội nhận hối lộ, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, để lọt tội phạm. Vì vậy cần phải có sự sửa đổi, bổ sung hơn nữa để hoàn thiện hơn.

1.2.1.3. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

Trong những năm qua sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá xã hội của đất nước có nhiều khởi sắc, được nhân dân ta và bè bạn quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên trong quá trình chuyển đổi cơ chế, bên cạnh những mặt tích cực đạt được, mặt khác nền kinh tế thị trường cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực, trong đó tình hình tội phạm diễn biến hết sức phức tạp. Trong tình hình đó mặc dù Bộ luật hình sự năm 1985 đã sửa đổi, bổ sung ba lần, nhưng còn nhiều

điểm bất cập cần sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, nhằm đáp ứng nhu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới.

Để đáp ứng yêu cầu đó, ngày 24/12/1999 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra đời là kết quả của sự tổng kết thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, Bộ luật hình sự này còn thể hiện toàn diện chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay, nó thực sự là công cụ sắc bén trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ chế độ Xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ quyền bình đẳng của các đồng bào người dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước...góp phần vào công cuộc đổi mới của đất nước, nhất là trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bộ luật hình sự năm 1999, đã quy định các tội phạm về tham nhũng một cách cụ thể và chặt chẽ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1985. Các tội phạm về tham nhũng được quy định ở Mục A trong Chương XXI Bộ luật hình sự 1999, gồm 7 Điều, từ Điều 278 đến Điều 284, trong đó Tội nhận hối lộ được quy định tại Điều 279. Ngoài ra Đảng ta cũng rất quan tâm đặc biệt đến việc giải quyết vấn nạn tham nhũng, hối lộ. Vì thế, trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ *“Hiện nay, cán bộ Đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng kéo dài gây bất bình trong nhân dân và là nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta. Phải tăng cường về tổ chức và cơ chế tiếp tục công cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong bộ máy Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị ở các cấp các ngành từ Trung ương đến cơ sở”*. Không chỉ dừng lại ở đó, mà trong thời gian gần đây nhất, Quốc hội vừa thông qua luật Phòng chống tham nhũng ngày 29/11/2005 và đã có hiệu lực ngày 01/6/2006. Luật phòng chống tham nhũng này đã thay thế cho các văn bản quy phạm về phòng chống tham nhũng trước đây. Với sự ra đời của Luật phòng chống tham nhũng đã góp phần ngăn chặn có hiệu quả nạn tham nhũng, hối lộ.

1.2.2. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về các tội hối lộ

Bộ luật hình sự năm 2015 kế thừa Bộ luật hình sự năm 1999 và sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung mới liên quan đến tội tham nhũng, góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; khắc phục những bất cập trong quá trình đấu tranh phòng, chống tội phạm, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước.

Dưới đây là một số điểm mới cơ bản của Bộ luật hình sự 2015 về phân các tội phạm hối lộ.

1.2.2.1 Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội phạm

Nếu như nói Bộ luật dân sự năm 2015 quan trọng đối với toàn thể người dân bởi liên quan đến quyền nhân thân và quyền tài sản thì Bộ luật hình sự 2015 cũng không kém phần quan trọng bởi liên quan đến tội phạm và hình phạt, riêng phân các tội phạm về hối lộ cũng đã được Đảng và Nhà nước chú trọng đổi mới rất nhiều, cụ thể:

Thứ nhất, mở rộng nội hàm “của hối lộ” tại các điều khoản liên quan

Theo quy định của BLHS năm 1999, để có thể xử lý được người phạm tội thì "của hối lộ" trong các cấu thành tội phạm liên quan như đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ... phải là tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trị giá được bằng tiền. Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cho thấy, bên cạnh việc dùng tiền hay các lợi ích vật chất khác để hối lộ người có chức vụ quyền hạn như vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản, thì lợi ích tinh thần bao gồm nhiều hình thức khác nhau có thể mang lại giá trị về mặt tinh thần cho người thụ hưởng (ví dụ tình dục, vị trí, việc làm...) cũng được các đối tượng sử dụng để hối lộ nhằm đạt được mục đích của mình. Để đáp ứng yêu cầu thực tiễn cũng như bảo đảm thực thi UNCAC, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định ngoài lợi ích vật chất thì bổ sung “của hối lộ” có thể là “lợi ích phi vật chất” trong các tội nhận hối lộ, đưa hối lộ, môi giới hối lộ. Tức là ngoài lợi ích vật chất khác, thì các lợi ích phi vật chất như lợi ích tinh thần cho người thụ hưởng cũng xem là yếu tố cấu thành đối với các tội danh trên.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung cấu thành cơ bản của tội nhận hối lộ và tội đưa hối lộ

Khoản 2 Điều 15 UNCAC quy định yếu tố khách quan bắt buộc trong cấu thành tội nhận hối lộ là lợi ích không chính đáng mà người thực hiện công vụ, nhiệm vụ nhận được có thể dành cho chính bản thân công chức hoặc cho người khác, ví dụ, họ hàng người thân của công chức đó, hoặc có thể dành cho một thực thể khác. Để đáp ứng yêu cầu của Công ước, khoản 1 Điều 354 (tội nhận hối lộ) sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định rõ yêu cầu này, cụ thể là: "Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn... nhận hoặc sẽ nhận bất kỳ lợi ích nào sau đây cho chính bản thân người đó hoặc cho người hoặc tổ chức khác...". Đồng thời, để bảo đảm sự thống nhất về kỹ thuật lập pháp với quy định về tội nhận hối lộ, BLHS năm 2015 quy định một cách cụ thể hơn về hành vi đưa hối lộ như sau: "Người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn hoặc người khác hoặc tổ chức khác bất kỳ lợi ích nào sau đây để người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ".

Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Công ước về chống tham nhũng, yếu tố khách quan bắt buộc trong cấu thành tội nhận hối lộ là hành vi đòi hỏi hoặc chấp nhận của hối lộ và sự liên hệ giữa những hành vi này với hành xử của công chức khi thi hành công vụ. Việc đòi hỏi hoặc chấp nhận có thể được do công chức trực tiếp thực hiện hoặc qua trung gian. Lợi ích không chính đáng có thể dành cho chính bản thân công chức hoặc cho người khác, ví dụ, họ hàng người thân của công chức đó, hoặc có thể dành cho một thực thể khác. Về chủ quan, yếu tố bắt buộc là việc cố ý đòi hỏi hoặc chấp nhận lợi ích không chính đáng với mục đích thay đổi hành xử của một người trong quá trình người đó thực hiện trách nhiệm chính thức. Đồng thời, Công ước cũng quy định "của hối lộ" là bất kỳ lợi ích nào, có thể là lợi ích vật chất hoặc phi vật chất.

Theo quy định tại Điều 279 BLHS hiện hành thì nhận hối lộ là hành vi của người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá trị

từ hai triệu đồng trở lên. BLHS hiện hành xem hành vi “đòi hối lộ” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại khoản 2 mà không phải là một hành vi cấu thành tội phạm độc lập như quy định của Công ước. Hơn nữa, theo quy định của BLHS hiện hành thì “của hối lộ” chỉ bao gồm tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác mà không bao gồm lợi ích phi vật chất.

Để đáp ứng yêu cầu của Công ước, đồng thời để bảo đảm xử lý nghiêm minh các hành vi những nhiễu, đòi hối lộ, có thể xử lý sớm hành vi này ngay cả khi người có chức vụ, quyền hạn đó chưa nhận tiền hối lộ hoặc lợi ích khác, BLHS 2015 đã bổ sung hành vi “đòi hối lộ” vào cấu thành cơ bản của tội nhận hối lộ (Điều 367). Đồng thời, để bảo đảm sự thống nhất về kỹ thuật lập pháp với quy định về tội nhận hối lộ, Điều 377 BLHS 2015 còn quy định một cách cụ thể hơn về cấu thành cơ bản của tội đưa hối lộ, đó là “*người nào trực tiếp hay qua trung gian đã đưa hoặc sẽ đưa cho người có chức vụ, quyền hạn bất kỳ lợi ích nào*”[15].4

Thứ ba, tăng mức định lượng về giá trị tiền, tài sản tham ô, chiếm đoạt, của hối lộ

Theo quy định của BLHS năm 1999 thì giá trị tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác là một trong các tình tiết định tội, định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự cơ bản của hầu hết các tội phạm về chức vụ. Tuy nhiên, có thể thấy, BLHS năm 1999 chưa có sự phân hóa phù hợp về giá trị tài sản giữa các khung trong một điều luật cụ thể, chưa bảo đảm mức độ tương xứng giữa giá trị tài sản và mức hình phạt trong khung, cũng như chưa phù hợp với tình hình phát triển mới về kinh tế - xã hội và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, để bảo đảm sự phù hợp với thực tiễn xử lý loại tội phạm này, phù hợp với điều kiện phát triển của nền kinh tế, đồng thời nhằm cá thể hóa trách nhiệm hình sự, bảo đảm mức độ tương xứng giữa hình phạt với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội khi căn cứ vào giá trị tiền, tài sản tham ô, của nhận hối lộ hoặc thu lợi bất chính, BLHS năm 2015 đã nâng mức định lượng về giá trị tiền, tài sản tại các điều khoản có liên quan.

Thứ tư, hối lộ công chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế công

Theo quy định của Công ước về chống tham nhũng, chủ thể của các hành vi tham nhũng trước hết là “công chức” và khái niệm công chức trong phạm vi điều chỉnh của Công ước là tương đối toàn diện, bao gồm cả hai đối tượng: công chức của quốc gia; công chức của nước ngoài và công chức làm việc tại các tổ chức quốc tế công. Nhóm đối tượng này chủ yếu được đề cập dưới dạng là chủ thể của hành vi thụ động hối lộ theo quy định tại Điều 16 của Công ước.

BLHS hiện hành chưa có quy định về hành vi phạm tội hối lộ công chức nước ngoài hoặc công chức của tổ chức quốc tế công theo quy định của Công ước. Trong bối cảnh cạnh tranh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, các quốc gia khác nhau trên thế giới, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta thông qua các hoạt động hợp tác, hỗ trợ, viện trợ, tài trợ,... của các tổ chức này. Việc một người nào đó vì vụ lợi mà đưa hối lộ công chức nước ngoài hay tổ chức quốc tế công để dành những ưu thế trong các hoạt động nêu trên cũng đã xảy ra trong thực tiễn. Vì vậy, để bảo đảm sự cạnh tranh lành mạnh, sự công bằng trong xã hội và giữ gìn quan hệ với các nước, BLHS 2015 đã sửa đổi, bổ sung Điều 289 BLHS hiện hành về tội đưa hối lộ theo hướng chỉ rõ người nào đưa hoặc sẽ đưa hối lộ cho công chức nước ngoài, công chức làm việc tại các tổ chức quốc tế công thì cũng bị xử lý hình sự về tội đưa hối lộ (khoản 6 Điều 377)

1.2.2.2. Những điểm mới của Bộ luật hình sự năm 2015 về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự.

a, Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 27).

Ngoài việc vẫn giữ nguyên quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XIII và các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh quy định tại Chương XXVI, khoản 3 Điều 28 còn bổ sung thêm hai tội khác vào các trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: Tội tham ô tài sản theo khoản 3 và khoản 4 Điều 353; Tội nhận hối lộ theo khoản 3 và khoản 4 Điều 354.

Nói cách khác, người phạm tội tham ô tài sản hoặc tội nhận hối lộ nếu thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng sẽ không được áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là một quy định mới, thể hiện thái độ kiên quyết của Nhà nước nhằm tăng cường đấu tranh chống tệ tham nhũng đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, phức tạp như hiện nay.

b, Hình phạt (chương VI)

Chế tài đối với tội phạm về chức vụ hiện nay tương đối nghiêm khắc, loại hình phạt chủ yếu là tù, chỉ đối với 05 tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ (các tội phạm quy định tại các Điều 281, 285, 286, 287 và 288). Nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về hoàn thiện chính sách hình sự theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW về hoàn thiện chính sách xử lý người phạm tội theo hướng giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng phạm vi áp dụng các hình phạt không mang tính giam giữ như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ đối với một số tội phạm chức vụ ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng cần bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ tại một số cấu thành cơ bản, nhằm tạo tính linh hoạt cho Tòa án xem xét áp dụng hình phạt phù hợp với từng trường hợp cụ thể. Hơn nữa, về bản chất của các tội phạm về chức vụ là có tính chất vụ lợi, thông thường nhân thân người phạm tội là tốt, do đó, đối với tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thì việc áp dụng một số chế tài không giam giữ như hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Do vậy, BLHS 2015 đã bổ sung hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 của 14 điều luật quy định về tội phạm cụ thể của chương này. Đồng thời, BLHS 2015 cũng bổ sung quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 03 tội danh, đó là tội đưa hối lộ (Điều 377), tội môi giới hối lộ (Điều 378), tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 379). Ngoài ra còn đưa hình phạt tiền làm hình phạt chính.

Để đáp ứng yêu cầu của Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng, cấu thành cơ bản của tội này đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng người nhận hối lộ **cho chính bản thân mình hoặc cho cá nhân, tổ chức khác** và quy định của hối

lộ không chỉ là lợi ích vật chất mà cả *lợi ích phi vật chất* (khoản 1). Tuy nhiên, đối với lợi ích phi vật chất, do khó lượng hóa được nên Điều luật chỉ quy định ở khoản 1. Ngoài ra còn quy định rõ định lượng rõ ràng số tiền tham nhũng một cách cụ thể để khi áp dụng vào thực tế các cơ quan chức năng dễ dàng xử lý.

Nhằm hạn chế hình phạt tử hình, đồng thời khuyến khích người phạm tội tham nhũng khắc phục hậu quả, nộp lại tiền cho Nhà nước, Điều 40, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định “Người bị kết án tử hình về tội tham ô tài sản, tội nhận hối lộ mà sau khi bị kết án đã chủ động nộp lại ít nhất 3/4 tài sản tham ô, nhận hối lộ và hợp tác tích cực với cơ quan chức năng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm hoặc lập công lớn” thì sẽ không thi hành án tử hình đối với người bị kết án và chuyển hình phạt tử hình thành tù chung thân.

Do tính chất nghiêm trọng và mức độ ảnh hưởng ngày càng lan rộng của tham nhũng trong khu vực tư, là hệ quả việc việc tư nhân hóa mạnh mẽ các hoạt động trước đây vốn thuộc chức năng công như: giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội... Công ước chống tham nhũng yêu cầu các quốc gia thành viên cần thiết phải tăng cường các biện pháp đấu tranh chống tham nhũng không chỉ trong lĩnh vực công mà trong cả lĩnh vực tư. Theo quy định tại Điều 21 Công ước chống tham nhũng thì các quốc gia cần áp dụng các biện pháp lập pháp và các biện pháp cần thiết khác để hình sự hóa hành vi hối lộ trong khu vực tư. Theo đó, hối lộ trong khu vực tư gồm hai dạng hành vi tương tự như hối lộ trong khu vực công là đưa hối lộ và nhận hối lộ. Bên cạnh đó, Điều 22 Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên xem xét hình sự hóa hành vi của người điều hành hay làm việc, ở bất kỳ cương vị nào, cho tổ chức thuộc khu vực tư biển thủ tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình, nếu hành vi biển thủ đó được thực hiện một cách cố ý trong quá trình hoạt động kinh tế, tài chính hoặc thương mại. Từ thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm tham nhũng cho thấy, trên thực tế đã xuất hiện nhiều hành vi của đại diện công ty, doanh nghiệp vì muốn giành được các lợi thế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đấu thầu cho công ty, doanh nghiệp của mình mà thực hiện một số hành vi như nhận hối lộ; đưa

hồi lộ người có chức vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, theo BLHS sự hiện hành thì không thể xử lý hình sự loại hành vi này của công ty, doanh nghiệp. Vì vậy, cùng với việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong lần sửa đổi, bổ sung lần này, BLHS 2015 đã quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân về 02 tội, đó là tội nhận hối lộ (Điều 364) và tội đưa hối lộ (Điều 365).

c, Miễn trách nhiệm hình sự (Điều 29)

Trên cơ sở kế thừa Điều 25 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 29 BLHS năm 2015 được thiết kế lại theo hướng quy định cụ thể các trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 1) và các trường hợp có thể được miễn trách nhiệm hình sự (khoản 2) nhằm góp phần giải quyết những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng, tạo cơ sở pháp lý linh hoạt cho cơ quan tố tụng khi xét thấy không cần thiết phải truy cứu trách nhiệm hình sự, trong một số trường hợp nhất định.

Như vậy, so với BLHS năm 1999 (SĐBS năm 2009), khoản 2 Điều 29 BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm tình tiết “*lập công lớn hoặc có cống hiến đặc biệt, được Nhà nước và xã hội thừa nhận*”, có thể được miễn trách nhiệm hình sự; đồng thời khoản 3 Điều 29 bổ sung trường hợp “*người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*” [15].

Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa các trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự theo hướng: phân biệt những trường hợp đương nhiên được miễn trách nhiệm hình sự và trường hợp (02 trường hợp) và có thể được miễn trách nhiệm hình sự (06 trường hợp). Quy định này đã thể hiện đúng tinh thần và cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013, dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn, kế thừa, phát triển các quy định còn phù hợp của BLHS năm 1999, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hiện nay (khoản 2 Điều 25 BLHS 1999). Quy định tại khoản 3 Điều 29 *Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về*

tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự [14], dẫn đến hai cách giải quyết khác nhau;

Quyết định Khởi tố vụ án, sau đó Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát theo giai đoạn tố tụng, đề ra Quyết định đình chỉ điều tra theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 230, khoản 1 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bởi không có căn cứ không khởi tố vụ án hình sự quy định tại Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015 là: Không có sự việc phạm tội; Hành vi không cấu thành tội phạm; Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự;...

Mặc dù Luật không quy định, nhưng có thể vận dụng Điều 157 khoản 2 Bộ luật hình sự, trường hợp *hành vi không cấu thành tội phạm* để ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự.

Hai cách giải quyết khác nhau, đều dẫn đến việc không truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu cách thứ nhất tuân thủ pháp luật triệt để trong hoạt động điều tra của Cơ quan điều tra, hoạt động thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát, nhưng việc kéo dài thời hạn gian giải quyết vụ án hình sự không cần thiết, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, thì cách thứ hai có thể kịp thời hơn trong đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, nhưng Bộ luật tố tụng chưa quy định cụ thể.

Như vậy chế định về miễn trách nhiệm hình sự, quy định tại điều 29 Bộ luật hình sự năm 2015, cần phải có giải thích của Ủy ban thường vụ Quốc hội, hướng dẫn của Toà án nhân dân tối cao, để thống nhất áp dụng ngay khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành đầy đủ vào ngày đã dự định.

Cũng thể hiện nguyên tắc nhân đạo, đồng thời tạo điều kiện cho công tác đấu tranh chống tội phạm hối lộ, Bộ luật hình sự Việt Nam quy định việc miễn TNHS đối với người phạm tội đưa hối lộ và làm môi giới hối lộ với hai điều kiện: Chủ động khai báo và người phạm tội đã khai báo trước khi hành vi phạm tội bị phát giác. Đây là trường hợp đưa hối lộ hoặc làm môi giới hối lộ mà hành vi phạm

tội đã thoả mãn đầy đủ các dấu hiệu trong CTTP theo quy định của luật. Tuy nhiên, người phạm tội đã chủ động thể hiện mong muốn khắc phục sự nguy hiểm cho xã hội của hành vi của bản thân. Họ đã tự mình quyết định đến khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự việc phạm tội trước khi hành vi bị phát giác. Quy định này đặc biệt có ý nghĩa trong việc thực hiện chính sách hình sự đối với các tội phạm về hối lộ, vì nó góp phần thúc đẩy việc phát hiện sớm và xử lý được các vụ phạm tội hối lộ cũng như hành vi nhận hối lộ của người có chức vụ, quyền hạn. Tuy nhiên, cần lưu ý quy định về miễn TNHS là quy định tùy nghi do đó toà án có thể áp dụng hoặc không áp dụng, tùy trường hợp phạm tội cụ thể. Việc quy định hai chế định mang tính khoan hồng này vừa thể hiện tinh thần của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam vừa có ý nghĩa tích cực trong việc phát hiện và đấu tranh chống tội phạm về hối lộ, đặc biệt là hành vi nhận hối lộ; qua đó có tác dụng phòng ngừa và ngăn chặn tội phạm về hối lộ.

Kết luận chương 1

Với đề tài “*Các tội hối lộ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” sau khi phân tích, nghiên cứu, tổng hợp trên nhiều phương diện cũng như tiếp cận từ các góc độ khác nhau, chúng tôi thống nhất định nghĩa hối lộ như sau: “*hối lộ là việc sử dụng một lợi ích nào đó tác động vào hành vi của người có chức vụ, quyền hạn để hành vi của người đó (người có chức vụ, quyền hạn) diễn ra theo cách người đưa hối lộ mong muốn*”.

Từ định nghĩa khoa học pháp lý tội phạm về hối lộ, chúng tôi cũng đã làm rõ các dấu hiệu cấu thành các tội về hối lộ, bên cạnh đó trong chương 1 của luận văn chúng tôi cũng đã nêu rõ đặc điểm của các tội hối lộ trên cơ sở so sánh với một số tội phạm về tham nhũng cũng như đối chiếu so sánh với các quy định của các tội hối lộ trong Bộ luật hình sự 2015. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng trong cơ cấu nội dung của luận văn vì đã làm sáng tỏ được những vấn đề lý luận và các quy định của pháp luật về các tội phạm hối lộ theo pháp luật hình sự Việt Nam, từ đó làm cơ sở để nghiên cứu những vấn đề thực tiễn trong việc áp dụng luật của những chương sau.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ CỦA TÒA ÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình xét xử các tội hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.1.1. *Khái quát tình hình xét xử các vụ án về các tội hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học kỹ thuật, thương mại dịch vụ lớn nhất trong cả nước; là đầu mối giao thông, giao lưu của cả nước, trong khu vực và trên phạm vi quốc tế; do đó, tình hình vi phạm và tội phạm luôn diễn biến phức tạp, trong đó có tội phạm tham nhũng.

Chính vì vậy, Thành ủy-HĐND-UBND Thành phố luôn quan tâm lãnh đạo công tác phòng, chống tham nhũng gắn với việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa 11; triển khai thực hiện quyết liệt nhiều giải pháp phòng, chống tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2007 và 2012; qua đó, tình hình tham nhũng đã giảm so với thời điểm ban hành Luật Phòng, chống tham nhũng và thời điểm sơ kết 05 năm thực hiện phòng, chống tham nhũng. Tuy nhiên, tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp, tính chất, mức độ và hậu quả thiệt hại ngày càng nghiêm trọng và chủ yếu xảy ra ở các lĩnh vực như thanh tra xây dựng, quản lý đô thị, thuế, hải quan, đã có tác động, ảnh hưởng xấu đến lòng tin của nhân dân vào các cấp chính quyền.

Ở Việt Nam cũng như các nước khác, việc đánh giá chính xác về tình hình tham nhũng diễn ra trong thực tế là rất khó khăn, vì tham nhũng cũng giống như một tảng băng trên biển, chúng ta chỉ có thể nhận biết được phần nổi của tảng băng là những vụ việc đã được phát hiện, xử lý mà thôi. Tuy nhiên, thông qua kết quả phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng trong những năm qua và căn cứ vào việc đánh giá của các cơ quan chức năng, Đảng và Nhà nước đã khẳng định rằng: *tình hình tham nhũng ở Việt Nam là nghiêm trọng* [3].

Thực trạng báo động ở nước ta hiện nay là tệ tham nhũng ngày càng trở nên phổ biến trong tất cả các lĩnh vực từ công an đến hải quan, từ tài nguyên môi trường đến xây dựng, thuế, ngân hàng, y tế, giáo dục cho đến cả thanh tra, kiểm sát, tòa án,... Từ lĩnh vực kinh tế cho đến cả chính trị với quy mô các vụ án ngày càng lớn, tính chất ngày càng nghiêm trọng, diễn biến phức tạp, thủ đoạn ngày càng tinh vi. Theo thống kê của Tổ chức Minh bạch Thế giới (TI) về chỉ số tham nhũng của các nước trên thế giới qua các năm, Việt Nam xếp hạng thứ 112/182 trong năm 2011.

Bảng 2.1: Thống kê chỉ số tham nhũng của Việt Nam từ năm 2007 đến năm 2011 của TI

Chỉ số tham nhũng của Việt Nam qua các năm gần đây					
Năm	2007	2008	2009	2010	2011
Chỉ số, điểm	2.6	2.7	2.7	2.7	2.9
Hạng	123/179	121/180	120/180	116/178	112/182

Nguồn TI

Số liệu thống kê khoảng 10 năm trở lại đây (từ 2002 đến 2011) cho thấy tình trạng tham nhũng ở nước ta ngày càng có xu hướng tăng lên. Trong xã hội ta hiện nay, việc “*bôi trơn*”, quà cáp, đã trở thành một thói quen có tính “*quy luật*” mà hầu như ai cũng ít nhất một lần nghĩ đến và thực hiện để được thiên vị, ưu tiên, “*thuận buồm xuôi gió*”. Mặc dù Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều văn bản về phòng, chống tham nhũng, nhưng cho đến nay vẫn chưa đẩy lùi được tham nhũng. Nhìn chung năm 2011 đã có những tiến bộ nhất định (so với năm 2007, chỉ số cảm nhận tăng 0,3 điểm và thứ hạng tương đối tăng lên khoảng 7 bậc), nhưng Việt Nam vẫn là những nước có điểm số thấp và vẫn đứng ở phía cuối bảng xếp hạng.

Theo đánh giá của TI, ở châu Á, tình hình tham nhũng ở Việt Nam nghiêm trọng hơn so với Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Brunei, Malaysia, Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... nhưng ít nghiêm trọng hơn Mông Cổ, Philippines, Lào, Nepal, Campuchia, Myanmar... Tóm lại, tình hình tham nhũng ở Việt Nam là

ngghiêm trọng, với những biểu hiện vừa tinh vi, phức tạp, vừa trắng trợn, lộ liễu, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, có những điểm giống và khác nhau so với tình hình tham nhũng ở các nước khác, nhưng đặc điểm nổi bật là tính phổ biến. Trước đây, tham nhũng chủ yếu xảy ra trong các lĩnh vực kinh tế, nhưng ngày nay đã lan sang các lĩnh vực vốn được coi trọng về đạo lý như giáo dục, y tế, thực hiện chính sách xã hội, nhân đạo, từ thiện, phòng, chống dịch bệnh... Tham nhũng xảy ra ngay trong các cơ quan bảo vệ pháp luật, là những cơ quan cầm cân, nảy mực, đại diện cho công lý và công bằng xã hội, như: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án... Những trường hợp thanh tra viên, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán tòa án nhận hối lộ đã xuất hiện ở nhiều nơi. Không ít cán bộ, công chức và người dân coi việc hối lộ cho công chức và việc công chức nhận hối lộ khi giải quyết công việc là chuyện bình thường. Tình trạng tham nhũng “vật” và tham nhũng “nhỏ, lẻ”, mà nhiều người gọi là “những nhiều” hay “chi phí không chính thức”, tuy thiệt hại không lớn, có khi chỉ vài chục nghìn đồng mỗi vụ, nhưng diễn ra một cách tràn lan ở nhiều nơi, khiến người dân vô cùng bức xúc. Số đối tượng tham nhũng là cán bộ, công chức, viên chức có chức vụ thấp hoặc không có chức vụ lãnh đạo, quản lý, như: nhân viên cảnh sát, thuế vụ, bác sỹ, y tá... chiếm tỷ lệ khá cao; trong khi ở nhiều nước khác, đối tượng tham nhũng chủ yếu là các chính khách, các quan chức và doanh nhân. Mấy năm gần đây đã xuất hiện một số vụ tham nhũng liên quan đến yếu tố nước ngoài.

Thực tế trên cho thấy mức độ áp dụng luật hình sự xử lý các tội phạm về hối lộ ở Việt Nam còn rất thấp nếu so sánh với mức độ tội phạm xảy ra. Những con số thống kê sau đây về số vụ án và số bị cáo bị xét xử sơ thẩm về các tội phạm này trong thời gian 05 năm từ 2011 đến 2015 có thể phản ánh phần nào thực tế đó.

Bảng 2.2: Thống kê số vụ và số bị cáo xét xử sơ thẩm các tội về hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (2011 - 2015)

Năm	Tội nhận hối lộ		Tội đưa hối lộ		Tội làm môi giới hối lộ	
	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo	Số vụ	Số bị cáo
2011	2	3	3	10	1	3
2012	5	14	6	22	2	8
2013	3	17	2	2	5	33
2014	4	11	2	8	5	30
2015	1	1	1	2	2	14
Tổng số	15	46	14	44	15	88

Nguồn: TAND huyện + thành phố Hồ Chí Minh

Số liệu thống kê xét xử của Tòa án các huyện và thành phố cho thấy số lượng vụ án và bị cáo bị xét xử sơ thẩm về các tội về hối lộ trong 05 năm vừa qua còn ít, con số này còn khá khiêm tốn nếu so sánh với tổng số các tội phạm về chức vụ bị xét xử sơ thẩm trong cùng thời gian. Số vụ án về hối lộ bị xét xử sơ thẩm như vậy chiếm hơn 47% so với tổng số vụ phạm tội về chức vụ bị xét xử sơ thẩm (65 vụ) trong khi đó số bị cáo bị xét xử về các tội phạm hối lộ chỉ chiếm hơn 19% so với tổng số bị cáo (513 bị cáo).

Như vậy là tỷ lệ số vụ Tòa án đã xét xử sơ thẩm so với số vụ Viện kiểm sát đã truy tố là hơn 70% và tỷ lệ số bị cáo bị xét xử sơ thẩm so với số bị can bị truy tố là xấp xỉ 74%. Những con số này cũng phản ánh một thực tế nữa là việc tìm ra những chứng cứ xác đáng để chứng minh hành vi có đủ dấu hiệu của tội nhận hối lộ nhằm đưa ra xét xử trước tòa gặp rất nhiều khó khăn.

Tình trạng tham nhũng nói chung, nhận hối lộ nói riêng trong thời gian gần đây đã trở thành nỗi bức xúc của toàn xã hội. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử lại cho thấy, từ năm 2011 đến năm 2015, số vụ án về các tội về tham nhũng được đưa ra xét xử sơ thẩm không tăng mà theo chiều hướng giảm đi. Số lượng vụ án về các tội về tham nhũng cao nhất vào năm 2012 với 13 vụ/44 bị cáo; thấp nhất vào năm 2015 với 04 vụ/17 bị cáo; tuy nhiên, đến năm 2013, số lượng bị cáo về các tội về tham

những lại tăng lên, năm 2013 là 10 vụ/52 bị cáo, đến 2014 là 11 vụ/49 bị cáo. Như vậy, theo thống kê thì các vụ án tham nhũng ngày càng giảm đi, số bị cáo cũng ít hơn nhưng nếu so với tình hình thực tế khi mà nạn tham nhũng ngày càng trầm trọng thì con số nói trên chưa là gì, hay nói đúng hơn là nhiều vụ án hối lộ vẫn chưa được phát hiện, xử lý kịp thời.

Trong các tội phạm về tham nhũng, riêng đối với tội nhận hối lộ, trong 5 năm (2011-2015) đã xét xử sơ thẩm 15 vụ án/46 bị cáo, chiếm 10% tổng số các vụ án về tham nhũng và hơn 10% tổng số các bị cáo phạm tội về tham nhũng. Số lượng vụ án xét xử sơ thẩm cao nhất vào năm 2012 cũng chỉ có 05 vụ/14 bị cáo, thấp nhất vào năm 2015 với 01 vụ án/01 bị cáo [27].

Một điều đặc biệt là, số các vụ bị xét xử vì tội nhận hối lộ qua các năm có xu hướng “ổn định” thậm chí là giảm xuống gần như là triệt để, dù rằng bằng cảm quan, người dân có thể nhận thấy hiện tượng đưa hối lộ, môi giới hối lộ và nhận hối lộ diễn ra ngày càng phổ biến hơn, ngày càng trắng trợn hơn. Xin tham khảo các số liệu từ việc thống kê kết quả điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân tối cao:

Bảng 2.3: Tội nhận hối lộ

<i>Năm</i>	<i>Số vụ</i>	<i>Bị can</i>
2009	12	37
2010	30	82
2011	17	73
2012	26	65
2013	26	60
2014	26	65
Tổng	137	382

Nguồn: VKSNDTC

Theo thống kê này, các vụ bị xét xử vì tội nhận hối lộ các năm 2012, 2013, 2014 gần như bằng nhau, cả về số vụ và số lượng bị can. Đây là một thực trạng phi lý, vì sẽ không bao giờ có “sự ổn định” của một loại tội phạm theo thời gian, như là việc thực hiện ổn định một kế hoạch có trước. Đồng thời, số vụ án về các tội về

tham nhũng được đưa ra xét xử sơ thẩm không tăng mà lại theo chiều hướng giảm đi. Thực tế này có phải do “tình trạng pháp luật có, pháp chế cũng có nhưng pháp trị thì không hoặc yếu kém và hình thức”?[29].

Riêng ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, theo báo cáo của UBND, tình hình tham nhũng nhìn chung còn diễn biến phức tạp, hành vi tham nhũng có biểu hiện tinh vi hơn; các hành vi tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ vẫn xảy ra ở một số lĩnh vực đầu tư xây dựng, quản lý đất đai, thương mại, tài chính... Từ năm 2006-2015, Công an thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý điều tra 152 vụ án tham nhũng, chức vụ, với tổng số 463 bị can. Tổng giá trị tài sản thiệt hại, phạm tội trên 600,8 tỉ đồng và 136.000 USD, thu hồi trên 40,8 tỉ đồng... Viện KSND TP đã kiểm sát điều tra án tham nhũng thụ lý 151 vụ/396 bị can. Đối tượng phạm tội chủ yếu là cán bộ, nhân viên thừa hành nhiệm vụ... TAND TP thụ lý 199 vụ, với 636 bị cáo. UBND TP cho rằng, thời gian qua, án sơ thẩm liên quan đến tham nhũng tăng không đáng kể về số lượng, nhưng số lượng bị cáo ngày càng tăng mạnh. Điều đó cho thấy, các bị cáo phạm tội có tổ chức, quy mô rộng và ngày càng phức tạp. Trong đó, loại tội phạm “tham ô tài sản” chiếm tỉ lệ cao nhất (118/199, tỉ lệ 59,30%).

Trong 10 năm thực hiện Luật PCTN, tại thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra nhiều vụ án tham nhũng: Điển hình như vụ Huỳnh Minh Đức - nguyên CSGT Công an quận Bình Thạnh và đồng bọn can tội “nhận hối lộ; đưa hối lộ; môi giới hối lộ”. Vụ Dương Hữu Thành cùng đồng bọn can tội như trên xảy ra tại Trung tâm Hỗ trợ xã hội - Sở LĐTBXH thành phố Hồ Chí Minh. Vụ Nguyễn Văn Khỏe nguyên chủ tịch huyện Hóc Môn nhận hối lộ. Vụ án nhà báo Hoàng Khương và các đồng phạm... Đặc biệt, vụ Huỳnh Ngọc Sỹ phạm tội nhận hối lộ xảy ra tại Ban Quản lý dự án đại lộ Đông-Tây và vụ Lê Dũng cùng đồng phạm gồm 46 bị can phạm tội “lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, buôn lậu” xảy ra tại Công ty CP thực phẩm công nghệ Sài Gòn. Vụ Công ty địa ốc Gò Môn - quận Gò Vấp...các vụ án xảy ra thường bị cáo là những người có chức vụ

chủ chốt trong các ban ngành, các tổ chức và số lượng bị các là đồng phạm cũng đủ mọi thành phần và khá đông đảo, số tài sản rất lớn [47].

UBND TP.HCM cũng vừa báo cáo công tác phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2016. Theo báo cáo, Cơ quan điều tra 2 cấp khởi tố 4 vụ/3 bị can (tăng 2 vụ, giảm 24 bị can so với cùng kỳ). Cụ thể, vụ Võ Thị Kim Hoàn, chủ nhiệm hợp tác xã Bàu Cát lợi dụng chức vụ, quyền hạn là chủ nhiệm hợp tác xã không thực hiện phân công nhân viên quản lý ngân quỹ mà trực tiếp cất giữ, quản lý ngân quỹ của HTX gây thiếu hụt gần 1,4 tỷ đồng; Vụ tham ô tài sản số tiền gần 363,5 triệu đồng tiền quỹ của trường Lý Tự Trọng, Q.Tân Bình do cơ quan điều tra công an Q.Tân Bình khởi tố vụ án và chuyển cơ quan điều tra công an TP để điều tra theo thẩm quyền; Vụ Thi Danh, Trưởng ban bồi thường giải phóng mặt bằng Q.Tân Phú cùng kế toán trưởng là Nguyễn Duy Linh lập không nhiều hồ sơ để chi tiền bồi thường cho các đối tượng khác nhau, qua đó chiếm đoạt hơn 23,5 tỷ đồng. Cơ quan điều tra đã khởi tố Thi Danh, Nguyễn Duy Linh về tội tham ô tài sản; Vụ Nguyễn Đỗ Duy Hải là cán sự của Đội Thanh tra địa bàn huyện Nhà Bè, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đã nhận số tiền 5 triệu đồng của ông Võ Thanh Giàu để bỏ qua việc kiểm tra bộ hồ sơ thi công công trình xây dựng tại nhà số 103 đường Bờ Tây Kinh Cây Khô, ấp 1 Phước Lộc, huyện Nhà Bè. Cơ quan điều tra công an huyện Nhà Bè đã khởi tố Nguyễn Đỗ Duy Hải về tội nhận hối lộ.

TP đánh giá, trong 6 tháng đầu năm, công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng đã có những chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng của cả nước nói chung. Tuy nhiên, tình hình tham nhũng vẫn còn diễn biến phức tạp, công tác phát hiện xử lý tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu. Số vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện còn ít, việc xử lý còn kéo dài, chưa nghiêm, thu hồi tài sản đạt kết quả thấp, gây tâm lý bức xúc và hoài nghi trong xã hội về quyết tâm phòng chống tham nhũng của TP. Về việc thu hồi tài sản cho nhà nước trong các vụ án tham nhũng, theo báo cáo, trong 6 tháng TP thu hồi và nộp ngân sách nhà nước số tiền hơn 435 triệu đồng [47].

2.2. Định tội danh đối với các tội hối lộ tại thành phố Hồ Chí Minh

Định tội đúng có ý nghĩa quyết định trong vụ án hình sự, bởi nó là cơ sở cần thiết đầu tiên cho việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội. Trên cơ sở xác định người phạm tội đã phạm tội gì, quy định tại điều nào, khoản nào của Bộ luật hình sự, người áp dụng sẽ quyết định một hình phạt phù hợp với hành vi phạm tội đó. Vì vậy định tội danh được xem là tiền đề, điều kiện cho việc quyết định hình phạt đúng đắn, góp phần mang lại hiệu quả trong việc đấu tranh phòng ngừa và phòng chống tội phạm. Trong trường hợp định tội không chính xác sẽ dẫn đến kết án sai, không phù hợp với sự thật khách quan của vụ án, xử lý oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm, xử nhẹ hoặc nặng hơn so với tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Việc xử lý hình sự thiếu chính xác như thế sẽ xâm phạm đến những quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, làm giảm uy tín của các cơ quan tư pháp, vi phạm pháp chế, làm ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Theo báo cáo của TAND TP. HCM, báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016. Theo đó, năm 2015, TAND hai cấp Tp. Hồ Chí Minh đã thụ lý 57.016 vụ án các loại, giải quyết 54.563 vụ, đạt tỷ lệ 95,70%; số lượng vụ án còn lại chưa giải quyết hầu hết là những vụ án mới thụ lý, đang trong quá trình chuẩn bị xét xử và còn trong thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. So với cùng kỳ năm 2014, thụ lý giảm 4.942 vụ (9,10%), giải quyết tăng 6.340 vụ, tỷ lệ giải quyết tăng 16,05%; TAND hai cấp có 377 vụ án bị hủy, trong đó hủy do lỗi chủ quan là 221 vụ, chiếm tỷ lệ 0,4%, giảm 0,1% so với cùng kỳ năm 2014; có 926 bản án, quyết định bị sửa, trong đó sửa do lỗi chủ quan là 368 vụ, chiếm tỷ lệ 0,67%. TAND hai cấp thành phố đã đưa ra xét xử lưu động 381 vụ, với 523 bị cáo. TAND hai cấp đã hòa giải thành 17.243 vụ việc dân sự, đạt tỷ lệ 38,68%. Tại hội nghị, ông Tất Thành Cang, Phó bí thư thường trực Thành ủy TP HCM đánh giá cao những nỗ lực của TAND TP trong năm 2015. Ngành tòa án đã có những cải cách trong hoạt động tư pháp, phối hợp tốt với VKSND và cơ quan điều tra để nâng

cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; đưa ra xét xử kịp thời các vụ án lớn, trọng điểm, đặc biệt là tội phạm tham nhũng...[47]

Báo cáo tại hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng (PCTN) tại TP HCM từ năm 2006-2015, Công an TPHCM đã thụ lý điều tra 152 vụ án tham nhũng, chức vụ, với tổng số 463 bị can. Tổng giá trị tài sản thiệt hại, phạm tội trên 600,8 tỉ đồng và 136.000 USD, thu hồi trên 40,8 tỉ đồng... Viện KSND TP đã kiểm sát điều tra án tham nhũng thụ lý 151 vụ/396 bị can. Đối tượng phạm tội chủ yếu là cán bộ, nhân viên thừa hành nhiệm vụ... TAND TP thụ lý 199 vụ, với 636 bị cáo. UBND TP cho rằng, thời gian qua, án sơ thẩm liên quan đến tham nhũng tăng không đáng kể về số lượng, nhưng số lượng bị cáo ngày càng tăng mạnh. Điều đó cho thấy, các bị cáo phạm tội có tổ chức, quy mô rộng và ngày càng phức tạp. Trong đó, loại tội phạm “tham ô tài sản” chiếm tỉ lệ cao nhất (118/199, tỉ lệ 59,30%).

UBND TP cũng cho biết có nhiều khó khăn trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng. Nhiều vụ án tòa tuyên thu hồi cả trăm tỉ đồng, nhưng kết quả thi hành án trong việc thu hồi tài sản lại là con số không đáng kể. Theo đó, tỉ lệ thu hồi tài sản tham nhũng năm 2013 chỉ đạt 10%, năm 2014 Nhà nước chỉ thu hồi được khoảng 1.500 tỉ đồng trên tổng số 6.740 tỉ đồng thiệt hại từ các vụ án tham nhũng (22%). Công tác thu hồi tài sản tham nhũng được xem là “quan trọng”, nhưng đây “bắt cập” trong PCTN.

Theo các cơ quan phòng, chống tham nhũng, đối tượng phạm tội chủ yếu là cán bộ, nhân viên thừa hành nhiệm vụ, đặc biệt có một số bị can là cán bộ lãnh đạo các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp như phó giám đốc sở, chủ tịch UBND quận, kế toán trưởng... Theo UBND TP Hồ Chí Minh, tội phạm tham nhũng trên địa bàn thành phố xảy ra ở hầu hết các lĩnh vực, trong đó tập trung nhiều nhất ở các lĩnh vực được xem là nhạy cảm như quản lý sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản, đầu tư công trong các dự án sử dụng ngân sách, lĩnh vực tài chính - ngân hàng, lĩnh vực về công tác cán bộ... Về thu hồi tài sản tham nhũng, thời gian qua TAND thành phố đã xét xử nhiều vụ án liên quan đến tham nhũng và số tiền tịch thu từ các

vụ án đã lên đến hàng nghìn tỷ đồng. Ông Dương Ngọc Hải, Phó Viện trưởng Viện KSND TP Hồ Chí Minh cho biết, các cán bộ tham nhũng thường có trình độ, kiến thức chuyên môn trong một lĩnh vực nhất định. Do đó, khi phạm tội họ đã chuẩn bị trước khả năng đối phó nên việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử rất khó khăn. Án tham nhũng thường có tính chất phức tạp, đông bị can, xảy ra trên nhiều địa bàn. Đặc biệt, tội phạm tham nhũng còn xảy ra trong chính cơ quan chống tham nhũng. Trong nhiều vụ, ngoài tội tham nhũng, các bị can có chức vụ, quyền hạn còn móc nối với nhiều đối tượng thực hiện các hành vi phạm tội khác. Chính vì vậy, công tác phát hiện tham nhũng thời gian qua còn hạn chế, chưa phản ánh đúng thực chất tình hình tham nhũng thực tế xảy ra. Nhiều vụ tham nhũng chậm phát hiện hoặc kéo dài quá trình điều tra, xử lý. Không ít vụ phải phụ thuộc vào kết luận giám định của cơ quan chuyên môn, tuy nhiên công tác giám định hiện nay chưa thật sự hiệu quả, đôi khi kết quả giám định trái ngược, phải trả hồ sơ nhiều lần để điều tra lại [45].

Nghiên cứu số liệu báo cáo tổng kết thực tiễn cho thấy để định tội danh chính xác là một việc làm không đơn giản chút nào xuất phát từ thực tiễn vô cùng đa dạng của tội phạm trên địa bàn.

2.3. Quyết định hình phạt đối với các tội hối lộ từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Theo quy định tại Điều 45 Bộ luật hình sự năm 1999, thì khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, mà còn phải căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, luật quy định các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự là một trong những căn cứ cần thiết để Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt. Do đó, việc nghiên cứu vai trò của các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với việc quyết định hình phạt đối với người phạm tội có ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận, thực tiễn và pháp lý trong quá trình áp dụng pháp luật hình sự để giải quyết vụ án hình sự, đồng thời thể hiện rõ nội dung phương châm “nghiêm trị kết

hợp với khoan hồng”, “trùng trị kết hợp với giáo dục” trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, cũng như bảo đảm thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa và hình phạt đối với người phạm tội.

Việc quyết định hình phạt trong nhiều vụ án về tội hối lộ đã thể hiện được sự áp dụng đúng đắn các căn cứ quyết định hình phạt theo luật quy định. Những phân tích của Tòa án trong nhiều bản án về phần quyết định hình phạt đã cho thấy sự cân nhắc kỹ càng, lập luận chắc chắn và có tính thuyết phục của cơ quan xét xử. Ví dụ như trong vụ án đại lộ Đông Tây đã nêu trên thì việc quyết định hình phạt như thế là khá khách quan, đúng người đúng tội.

Bên cạnh những thành công của công tác áp dụng pháp luật hình sự xử lý các tội phạm về hối lộ, những hạn chế vẫn còn tồn tại. Số liệu thống kê về xét xử sơ thẩm của TAND thành phố Hồ Chí Minh phần nào phản ánh hiện trạng này:

Bảng 2.4: *Thống kê xét xử sơ thẩm của TANDTC tại thành phố Hồ Chí Minh về các tội hối lộ từ năm 2011 đến 2015*

Năm	Số vụ	Số bị cáo	Tổng hợp hình phạt tù đối với người phạm tội						
			Hưởng án treo	Phạt tù từ 03 năm trở xuống	Tù từ 03 năm đến 07 năm	Tù từ 07 năm đến 15 năm	Tù từ 15 năm đến 20 năm	Chung thân	Tử hình
2011	6	16	1	2	5	1	0	0	0
2012	13	44	0	17	12	0	0	0	0
2013	10	52	1	4	4	0	0	0	0
2014	11	49	4	2	5	4	4	0	0
2015	4	17	4	1	3	5	1	0	0
Tổng	44	178	10	26	29	10	5	0	0

Nguồn: TAND TP.HCM

Nhìn vào số liệu thống kê có thể thấy từ năm 2011 đến năm 2015, trong số 178 bị cáo bị xét xử về các tội hối lộ thì có 70 bị cáo bị xử phạt tù trong đó tù từ dưới 15 năm đến 20 năm chỉ có 15 bị cáo. Những vụ án với chủ thể là người có chức vụ cao hoặc của hối lộ có giá trị lớn hoặc có một số tình tiết tăng nặng khác đã được xử lý nghiêm khắc với nhiều mức hình phạt cao được áp dụng cho các bị cáo [27].

Cùng với việc áp dụng các hình phạt chính, một hình phạt bổ sung có tác dụng phù hợp với tính chất của các tội phạm về hối lộ là phạt tiền cũng đã được Tòa án áp dụng nhằm tăng cường tác dụng của hình phạt đó chính là việc buộc tội phạm phải nộp lại hết toàn bộ tổng số tài sản đã tham nhũng,... xét xử nghiêm khắc, đặc biệt là đối với người chủ mưu, cầm đầu, người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt hoặc làm thất thoát số lượng lớn tài sản của Nhà nước, chỉ đối với những bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu, mức độ phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nhân thân tốt, thì mới được Tòa án xem xét để cho hưởng án treo. Ví dụ: vụ án năm 2010 liên quan đến đất đai của Trần Kim Long nguyên chủ tịch UBND quận Gò Vấp với mức án 30 năm tù, Lê Minh Châu nguyên giám đốc công ty xây dựng Gò Vấp 28 năm tù, Hồ Tùng Lâm nguyên phó giám đốc công ty xây dựng Gò Vấp 20 năm tù, Nguyễn Văn Tính nguyên là bí thư quận ủy, chủ tịch HĐND quận Gò Vấp 13 năm tù về tội đưa hối lộ và nhận hối lộ. Gần đây nhất là vụ án Huỳnh Ngọc Sỹ là nguyên Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải và Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đại lộ Đông Tây thành phố Hồ Chí Minh là người trực tiếp dính líu đến vụ hối lộ quan chức Việt Nam của PCI với số tiền 262.000 USD. Tháng 10/2010, TAND TP. HCM tuyên phạt ông Huỳnh Ngọc Sỹ tù chung thân về tội nhận hối lộ, nhưng đến phiên phúc thẩm 9/2011, ông này được giảm án xuống còn 20 năm tù. Việc xử phạt nghiêm minh các vụ án này đã góp phần không nhỏ vào công tác chống và phòng ngừa tội phạm về hối lộ.

2.4. Những tồn tại, vướng mắc, thiếu sót và nguyên nhân của tồn tại, vướng mắc

2.4.1. Những tồn tại, vướng mắc, thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật hình sự vào công cuộc đấu tranh, phòng chống các tội hối lộ

Qua nghiên cứu thực tiễn áp dụng luật hình sự đối với các tội phạm về hối lộ, có thể nhận thấy những hạn chế, thiếu sót vẫn còn bộc lộ ở một số hoạt động sau:

Thứ nhất, đó là hạn chế trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội về hối lộ. Thực tế cho thấy nhiều trường hợp hành vi đã thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội phạm về hối lộ song lại không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Nhiều trường hợp nhận hối lộ rất nghiêm trọng thậm chí đặc biệt nghiêm trọng, nhưng do có quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ hoặc, về xác định các tình tiết của vụ án, về các dấu hiệu cấu thành tội nhận hối lộ, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, để lọt tội phạm. Bên cạnh đó đối tượng phạm tội tham nhũng là những người có chức vụ quyền hạn, có trình độ chuyên môn cao, quan hệ xã hội rộng, có điều kiện kinh tế để thực hiện hành vi phạm tội và che giấu tội phạm, đồng thời cũng tìm nhiều cách để tác động, mua chuộc cán bộ làm công tác điều tra... Mặt khác, các vụ án tham nhũng thường xảy ra sau một thời gian khá lâu mới bị phát hiện nên đối tượng đã cất giấu, hợp lý hóa hoặc đã tiêu hủy tài liệu dẫn đến việc thu thập tài liệu gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai là hạn chế trong việc định tội danh đối với các tội phạm về hối lộ. Thực tế có thể nhầm với các tội khác, các tội có dấu hiệu gần giống với tội hối lộ như tham ô hay lợi dụng chức vụ quyền hạn... ví dụ như Vụ hối lộ ở Ban Quản lý các dự án đường sắt (PMU) mà TAND TP Hà Nội vừa xử sơ thẩm đã tạm khép lại với bản án cao nhất 12 năm tù dành cho bị cáo đầu vụ Phạm Hải Bằng, nguyên phó giám đốc RPMU. Tuy nhiên, sự kỳ vọng của nhân dân về việc xét xử của tòa án cấp sơ thẩm đã thành thất vọng. Bởi từ khi phát hiện vụ án, dư luận hy vọng rằng vụ nhận hối lộ này sẽ được xét xử nghiêm minh như các vụ án tương tự. Nhưng không hiểu sao sau đó cơ quan tố tụng không xử các bị cáo về tội nhận hối lộ mà lại xử về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ - một tội danh nhẹ hơn

hiều so với tội nhận hối lộ. Hay như vụ án Huỳnh Ngọc Sĩ trong vụ án Đại lộ Đông – Tây, ông Sĩ bị TAND TP.HCM phạt tù chung thân, sau tòa phúc thẩm giảm xuống 20 năm tù về tội nhận hối lộ, dù hai vụ án này dấu hiệu giống nhau nhưng lại bị xét xử ở hai tội khác nhau. Việc chỉ xử các bị cáo thuộc PMU về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn rõ ràng không đúng bản chất của vụ án, không có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, nhất là trong tình hình chống tham nhũng hiện nay. Chưa nói đến việc xét xử như vậy là không công bằng với những trường hợp khác đã bị xét xử về tội nhận hối lộ.

Thứ ba là không xác định hoặc xác định chưa chính xác các giai đoạn thực hiện tội phạm.

Việc xác định các giai đoạn thực hiện tội phạm về các tội hối lộ còn nhiều bất cập vì thường thì các tội này từ khi thực hiện đến khi bị phát giác để đem ra pháp luật xử lý thường trải qua một thời gian khá dài, với nhiều đối tượng, nhiều đường dây và có sự liên kết chặt chẽ. Mặc dù các tội về hối lộ đều là lỗi cố ý trực tiếp nhưng do pháp luật quy định “đã nhận hoặc sẽ nhận” nên khó có thể xác định chính xác giai đoạn thực hiện tội phạm là chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt hay giai đoạn đã hoàn thành.

Thứ tư là xác định khung hình phạt không chính xác hoặc quyết định hình phạt chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm.

Khi áp dụng BLHS, nhìn chung còn hai khuynh hướng xử lý: xử quá nhẹ và xử quá nặng, nhưng khuynh hướng xử phạt nhẹ hơn so với tội đang có về chủ đạo. Không ít trường hợp, một vụ án nhận hối lộ có tính chất nghiêm trọng, lẽ ra phải áp dụng hình phạt nặng theo đúng trách nhiệm hình sự, song kẻ phạm tội lại được áp dụng hình phạt nhẹ hơn, không tương xứng với hành vi phạm tội. Nhiều vụ án, lẽ ra xét tính nguy hiểm của hành vi, theo yêu cầu của luật thì phạt tù giam, nhưng Tòa án lại cho hưởng án treo, hoặc đáng lẽ phải chịu 10 năm tù thì lại xử chỉ còn 5 năm hay 7 năm. Nhiều vụ án có đủ những tình tiết để truy cứu trách nhiệm hình sự thì chỉ bị xử phạt hành chính. Nhiều nơi đã cố tình chia nhỏ vụ án lớn ra thành nhiều vụ án nhỏ nhằm giảm trách nhiệm cho bị can, áp dụng hình phạt

nhẹ hơn, hoặc khắc phục hậu quả bồi thường một ít thì có thể miễn truy tố trước pháp luật...

Thực tế này dẫn đến trình trạng người dân mất lòng tin vì xử lý không nghiêm minh, không công bằng. Nhiều vụ tham nhũng, hối lộ bị phanh phui nhưng việc xử lý chưa đi tới cùng, chỉ cảnh cáo, nhắc nhở vì thiếu tinh thần trách nhiệm thì chưa đủ, vì đối tượng tham nhũng, hối lộ là những người có chức quyền, nếu không trừng trị thẳng, hay những biện pháp không đủ sức răn đe thì họ sẽ càng được nước lấn tới, làm sâu một nước nhà.

Thứ năm, tòa án rất ít áp dụng các hình phạt bổ sung” cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định” và” phạt tiền” đối với các bị cáo phạm tội hối lộ.

Thực tiễn quyết định hình phạt đối với các tội phạm về hối lộ chủ yếu là áp dụng hình phạt chính mà ít có các hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ hay là phạt tiền... Chế tài đối với tội phạm về chức vụ quy định tại BLHS năm 1999 tương đối nghiêm khắc, loại hình phạt chủ yếu là tù, chỉ đối với 05 tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ. Điều này thể hiện thái độ nghiêm khắc của Nhà nước đối với những người thay mặt Nhà nước thực hiện công vụ mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Tuy nhiên, có thể thấy, bản chất của tội phạm về chức vụ là tính vụ lợi, thông thường người phạm tội có nhân thân tốt, do đó, đối với tội ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thì việc áp dụng một số chế tài không giam giữ như hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ cũng đã bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Điều này được thể hiện rõ hơn theo tinh thần của Bộ luật hình sự 2015 thể chế hóa chủ trương của Đảng trong việc tăng cường tính hướng thiện khi xử lý người phạm tội.

2.4.2. Nguyên nhân tồn tại, vướng mắc

Để cung cấp thêm thông tin làm cơ sở vững chắc về mặt lý luận trong việc phòng và chống tham nhũng, vận dụng cặp phạm trù nhân - quả trong phép biện chứng duy vật để phân tích về mặt triết học nguyên nhân của nó, chúng tôi xác định một số nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, nguyên nhân và động cơ chủ yếu của tham nhũng là lòng tham của con người. Mọi hành vi tham nhũng dù dưới hình thức nào chẳng nữa đều có thể quy về “lợi ích cá nhân”. Lợi ích nhóm cũng xuất phát từ lợi ích cá nhân mà ra. Nếu không vì lợi ích của bản thân thì chẳng ai còn muốn tham nhũng nữa. Vì lợi ích cá nhân, người ta có thể làm tất cả, bất chấp mọi thủ đoạn, mọi hậu quả để đạt được dù hành vi đó là vi phạm đạo đức, pháp luật, hay vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng.

Thứ hai là do lối sống “ăn bám”, ỷ lại, lười lao động thích hưởng thụ của một bộ phận, tầng lớp trong xã hội, đặc biệt là giới trẻ ngày nay. Chính lối sống này kết hợp với bản chất ích kỷ, đam mê lợi ích vật chất của các bậc phụ huynh, cán bộ, công chức,... là chất xúc tác để thúc đẩy con người ta lao vào các “*phi vụ*” phạm pháp. Lối sống hưởng thụ len lỏi vào các cơ quan công quyền thể hiện ở sự quan liêu và suy đồi của không ít cán bộ, công chức, viên chức nhà nước; công hiến thì ít mà muốn hưởng thụ thì nhiều, nên sách nhiễu, làm khó để vòi vĩnh, “*gợi ý*”, “*lót đường*”, “*rãi thảm*”.

Thứ ba là do cuộc sống, áp lực công việc, do môi trường xung quanh; do giáo dục, do cơ chế và do chính bản thân mà đạo đức con người ngày càng bị suy thoái, tha hóa. Điều này làm cho tệ tham nhũng càng có điều kiện thuận lợi để phát sinh và lan rộng trong toàn xã hội. Tình trạng này đang có xu hướng ngày càng tăng. Hơn nữa, một bộ phận cán bộ, công chức chưa có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, lối sống, tư tưởng chính trị dẫn đến sự tha hóa, suy thoái về đạo đức không thể tránh khỏi của các công chức, viên chức nhà nước, sẵn sàng vì lợi ích cá nhân mà tham nhũng. Đảng và Nhà nước ta đã nhận ra được nguyên nhân này, nhưng biện pháp giải quyết chưa thật sự hiệu quả.

Thứ tư là do tâm lý, “truyền thống văn hóa” và trình độ nhận thức của một bộ phận người dân còn yếu kém. Với quan niệm “*dầu bôi trơn bánh xe*”, “*dầu xuôi đầu lật*”, “*đồng tiền đi trước là đồng tiền khôn*” và nghĩ rằng giải pháp nhanh nhất, hiệu quả nhất để giải quyết công việc là “*thủ tục đầu tiên*” cũng là nguyên nhân thúc đẩy tham nhũng. Hơn thế, người ta còn dùng hối lộ, quà cáp như một hình thức “*kết thân*”, “*đầu tư chiều sâu*”, “*đầu tư vào tương lai*” để tạo thuận lợi cho con đường

công danh sự nghiệp sau này cho cả bản thân lẫn người thân. Chính hành vi tâm lý và trình độ nhận thức này đã vô tình làm cho không ít cán bộ, nhân viên bị tham nhũng thụ động. Tình trạng này kéo dài làm xuất hiện tư tưởng gây khó dễ ở cán bộ, công chức để nhận “phong bì” từ dân mới giải quyết công việc, cho rằng nhận hối lộ là một thủ tục tất yếu trong quá trình xử lý công việc. Bởi vậy, một số cán bộ, đảng viên khi có quyền lực đã đem địa vị, quyền hành ra để “mặc cả” và cho rằng “*muốn ăn chân giò phải thò chai rượu*”. Vô hình chung điều này tạo nên một cách suy nghĩ, một thói quen xấu trong cả cán bộ công chức và cả những người muốn dùng tiền để giải quyết công việc, dần dần hình thành nên “*văn hóa phong bì*”.

Thứ năm là sự sơ hở, bất cập, thiếu công khai, thiếu minh bạch, cơ chế “xin - cho” còn tồn tại. Đây là nguyên nhân thường xuyên được đề cập và lặp đi lặp lại nhiều lần trong các phiên họp của Quốc hội. Nguyên nhân này thể hiện ở chỗ: cơ chế kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng, quản lý, luân chuyển tài sản có nhiều sơ hở, giao tài sản cho nhân viên nhưng không có biện pháp kiểm tra, giám sát chặt chẽ, gian lận trong công tác để chiếm đoạt tài sản,... Các thủ tục, quy định của Nhà nước chưa được công khai, rõ ràng nên nhân dân có suy nghĩ “tiếp cận, giải quyết” mới xong, tạo điều kiện cho cán bộ tham nhũng; thiếu công khai, minh bạch trong công tác quản lý, trong công tác kê khai tài sản, trong công tác sử dụng tài sản, và thiếu minh bạch trong các văn bản, quy định, thủ tục. Hơn nữa, việc thiếu trách nhiệm giải trình của các lãnh đạo cấp cao ở các cơ quan, đơn vị cũng dẫn đến tình trạng thiếu công khai, minh bạch mặc dù việc báo cáo nghe có vẻ vẫn rất “*ồn*”, “*tốt*” trong khi thực tế đó chỉ là “*báo cáo láo*”.

Thứ sáu, một nguyên nhân cần được nghiên cứu thêm đó là tư duy chính trị của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn phảng phất tư duy “truyền thống”, phong kiến, manh mún, chấp vạ, thiếu tính hệ thống dẫn đến thiếu mạnh dạn và quyết tâm trong việc thực hiện đường lối đổi mới, đặc biệt là đổi mới tư duy chính trị. Giữa đổi mới tư duy chính trị và đổi mới tư duy kinh tế của Đảng ta chưa có sự đồng bộ, thống nhất cần thiết nên thường xuyên diễn ra tình trạng “*đánh trống bỏ dùi*”, “*đầu voi đuôi chuột*” làm tầm thường hóa hệ thống pháp luật.

Ngoài ra còn có nguyên nhân nữa mang tính chất khái quát là chúng ta chưa thực hiện tốt quy chế dân chủ. Hồ Chí Minh từng cho rằng “dân chủ là chìa khóa vạn năng để giải quyết những vấn đề xã hội”. Mặc dù chúng ta đã có bước tiến đáng kể về việc ban hành quy chế dân chủ, song nhìn chung việc thực hiện đưa quy chế vào cuộc sống còn nhiều hạn chế, khó khăn.

Bên cạnh một số nguyên nhân chủ quan cơ bản nêu trên còn có những nguyên nhân khách quan rất quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến tình trạng tham nhũng ở nước ta.

Về nguyên nhân khách quan

Thứ nhất là việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa triệt để, không theo kịp được trình độ phát triển của hoạt động thực tiễn. Trong quá trình lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, để xây dựng, phát triển và bình ổn trật tự xã hội còn nghiêng về “đức trị”, “nhân trị” mà chưa nghiêng về “pháp trị”. Chính sách thưởng phạt chưa đủ sức răn đe người phạm tội và khuyến khích người lập công, tố giác tội phạm.

Thứ hai là do hệ thống pháp luật, chính sách ở nước ta thiếu đồng bộ, chưa thỏa đáng và nhất quán; trong xử lý, chế tài chưa nghiêm minh, pháp luật còn nhiều kẽ hở, cơ chế quản lý còn nhiều yếu kém. Các thủ tục hành chính hay giấy tờ, đất đai đều chưa minh bạch, rườm rà, cơ chế quản lý bất động sản chưa hiệu quả và chặt chẽ tạo kẽ hở cho các cán bộ, viên chức tham nhũng.

Thứ ba là do những bất cập trong triết lý về giáo dục, chưa hình thành được một triết lý giáo dục đủ tầm cỡ, làm trụ cột lâu dài, xuyên suốt và bền vững trong quá trình phát triển, kể cả giáo dục nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng; giáo dục đạo đức cán bộ, đảng viên trong giai đoạn phát triển kinh tế thị trường chưa được chú trọng đúng mức. Hơn nữa, việc đưa những người thiếu năng lực và thiếu phẩm chất đạo đức vào làm cho các cơ quan nhà nước do “quan hệ”, nể nang, “đi đêm”,... làm suy thoái hệ thống chính trị và làm cho tình trạng tham nhũng ngày càng phát triển nhanh chóng.

Thứ tư là do sự quản lý, thanh tra, kiểm tra lỏng lẻo, yếu kém của Nhà nước; xử lý qua loa, chỉ mang tính “hình thức” như cảnh cáo, phê bình hoặc chủ trương “đại sự hóa tiểu sự, tiểu sự hóa vô sự” vì người vi phạm thường là cán bộ có quyền lực và địa vị, nên chưa mang tính răn đe. Việc chấp hành kỷ luật cũng bị xem nhẹ dẫn đến tình trạng “phép vua thua lệ làng”, “trên bảo dưới không nghe”,... Người quản lý, thanh tra, kiểm tra, điều tra cũng chưa thật sự mạnh tay và làm việc có hiệu quả, vẫn còn nặng tình trạng “báo cáo tốt”, tặc hại hơn còn đồng lõa, “gợi ý” làm cho tặc tham nhũng gia tăng, khó có thể ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời.

Thứ năm là do việc thực hiện chính sách phòng, chống tham nhũng của nước ta chưa hiệu quả, đồng bộ, chưa đáp ứng được thực trạng tham nhũng hiện nay, thiếu một chương trình phòng, chống lâu dài, tổng thể mà chỉ chủ yếu tập trung vào việc giải quyết những vụ “tham nhũng vặt”, nhỏ lẻ. Việc tuyên dương người đứng lên tố cáo tham nhũng hiện nay cũng chưa phải là giải pháp hiệu quả để động viên toàn dân tham gia. Hơn nữa, người “đưa hối lộ” đi tố cáo tham nhũng cũng bị khép tội “đưa hối lộ” nên cũng làm hạn chế việc tố cáo tham nhũng của nhân dân.

Thứ sáu là do mặt trái (bản chất) của nền kinh tế thị trường và sự phân cực giữa các giai tầng trong xã hội ngày càng sâu sắc làm cho các giá trị đạo đức bị đảo lộn. Đồng tiền đang lên ngôi trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Khi đồng tiền được xem là “thước đo của vạn vật” thì các giá trị đạo đức, nhân phẩm sẽ đứng trước bên bờ vực. Việc chạy theo sức mạnh của đồng tiền làm cho một bộ phận không nhỏ cán bộ đi ngược lại truyền thống văn hóa của dân tộc. Có không ít tổ chức, cá nhân vì những mục tiêu riêng để tồn tại trong cuộc cạnh tranh khốc liệt đã dùng mọi thủ đoạn, trong đó có thủ đoạn hối lộ được sử dụng phổ biến nhất. Hơn nữa, chính sách tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ các nhân viên công quyền chưa thỏa đáng (chính sách tiền lương) là nguyên nhân góp phần thúc đẩy mọi người cần phải kiếm thêm để bù đắp cho gia đình họ làm cho tình trạng tham nhũng phát triển và lan rộng.

Qua những phân tích trên đây chúng ta thấy rằng nguyên nhân của tham nhũng là sự tổng hợp, hội tụ nhiều nguyên nhân, điều kiện cả chủ quan lẫn khách

quan, cả con người lẫn cơ chế của Nhà nước ta. Tham nhũng là một trong những nguy cơ làm cản trở công cuộc đổi mới. Cùng với lãng phí, tham nhũng đang diễn ra trầm trọng, kéo dài, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm hại đến công lý và công bằng xã hội, gây thiệt hại lớn về tài sản Nhà nước và của nhân dân.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp phòng, chống tham nhũng nhưng vẫn chưa hiệu quả. Do đó cần phải có nhận thức toàn diện hơn về bản chất và nguyên nhân của tham nhũng để có giải pháp hữu hiệu. Muốn triệt phá tham nhũng, chúng ta cần loại trừ hết các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tham nhũng. Các biện pháp phòng và chống cũng phải mang tính hệ thống, toàn diện.

Kết luận chương 2

Trong chương này của luận văn, chúng tôi đã khái quát thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời làm rõ cơ sở lý luận và pháp luật của định tội danh và quyết định hình phạt của các tội phạm về hối lộ theo cấu thành tăng nặng, giảm nhẹ; đã nêu lên định nghĩa của định tội danh và quyết định hình phạt, đặc biệt đã đưa ra các căn cứ và nguyên tắc để định tội danh và quyết định hình phạt.

Từ những vấn đề lý luận chung về định tội danh và quyết định hình phạt, tác giả đã phân tích, đánh giá thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với các tội phạm về hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2015, đồng thời so sánh với số liệu của đánh giá của TI hay của TANDTC, VKSNDTC... Từ đó nêu lên những hạn chế, bất cập trong các quy định pháp luật hiện hành, làm rõ nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc đó để từ đó tìm hướng đóng góp giải pháp thích hợp làm cơ sở cho việc hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ CÁC TỘI HỐI LỘ

3.1. Các yêu cầu đối với việc áp dụng đúng quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ

Trong một xã hội, khi người ta chấp nhận cái xấu, cái ác như là một sự tồn tại đương nhiên, không lên án, không muốn lên án hoặc không dám lên án cái xấu, cái ác xảy ra xung quanh mình, thì khi đó, vai trò của đạo đức đã bị suy vong. Cái xấu, cái ác khi đã thành phổ biến, chúng sẽ tấn công vào các giá trị đạo đức, khiến cho hệ thống các giá trị đạo đức bị đảo lộn, bị lu mờ hay biến dạng. Đạo đức xã hội suy vong sẽ làm suy yếu đi nền tảng cho cuộc đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác. Đối với tệ hối lộ cũng vậy. Nếu như trong xã hội người ta mặc nhiên thừa nhận việc dùng tiền để mua bằng cấp, mua chức vụ, mua việc làm; dùng tiền để "khoan thủng" các thủ tục hành chính, nói chung là dùng tiền để giải quyết tất cả những công việc của mình ở những nơi công quyền, thì đã đến lúc báo động về một căn bệnh trầm kha mang tính xã hội.

Qua phân tích một số nguyên nhân dẫn đến tình trạng tham nhũng, đồng thời nếu xét về đối tượng, thủ đoạn của hành vi tham nhũng, rõ ràng là nếu chống tham nhũng bằng các biện pháp đơn lẻ thì ắt hẳn sẽ không hiệu quả. Nó đòi hỏi phải có sự kết hợp thống nhất, thực hiện đồng bộ giữa những biện pháp mang tính cấp bách với những giải pháp mang tính chiến lược; giữa những biện pháp mang tính trừng trị với những biện pháp mang tính ngăn ngừa trong sự huy động và phối hợp chặt chẽ mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng. Một số biện pháp đề xuất dưới đây không phải là quan trọng hơn những biện pháp khác, nhưng theo tôi là cần thiết và phải được chú trọng thực hiện đồng thời cùng những biện pháp hữu hiệu khác trong đấu tranh chống tham nhũng.

3.2. Các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về các tội hối lộ

Hối lộ là một hiện tượng phức tạp và là hệ quả của nhiều nguyên nhân. Vì

vậy, để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tệ nạn hối lộ, cần thực hiện đồng bộ giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý, trong đó phòng ngừa là cơ bản; thực hiện chống cả đưa, nhận và môi giới hối lộ, trong đó, trọng tâm là chống nhận hối lộ. Để phòng ngừa và giảm bớt tình trạng đưa hối lộ, cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau đây:

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện quy định của BLHS năm 2015 về các tội hối lộ

Mặc dù BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực do bị tạm đình chỉ bởi một số lỗi kỹ thuật, tuy nhiên xét về phương diện tích cực thì các quy định đối với các tội phạm hối lộ đã được chú trọng và có những đổi mới phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của nước ta hiện nay, phù hợp với tình hình tội phạm mà cụ thể tác giả đã đề cập trong chương 1 về những điểm mới của quy định các tội phạm về hối lộ của BLHS 2015. Mặc dù đã có những tiến bộ vượt bậc và phù hợp hơn với tình hình thực tế nhưng theo tác giả thì việc áp dụng hình phạt tiền như hình phạt chính là không đủ sức răn đe vì với tâm lý cứ tham những, nếu bị truy tố thì chỉ nộp tiền là được tự do thì e rằng quá nhẹ, và các tội phạm về hối lộ cũng sẽ xem thường pháp luật mà càng được nước lấn tới. Với cả những thành phần tội phạm này về cơ bản không chỉ hối lộ một lần mà có thể đã rất nhiều lần, lại rất tinh vi, khó phát hiện, nếu như cứ nộp tiền là được thả thì tình hình tội phạm hối lộ chắc sẽ không được cải thiện mà có thể sẽ ngày càng trầm trọng.

Hình phạt tiền chỉ nên là hình phạt bổ sung chứ không nên là hình phạt chính, đặc biệt là với tội hối lộ.

Thêm vào đó, cần có những văn bản hướng dẫn áp dụng BLHS một cách cụ thể và thống nhất, cần chỉ rõ” lợi ích phi vật chất” cụ thể bao gồm những loại lợi ích gì? ở mức nào thì bị xử lý hình sự?....

3.2.2. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về các tội hối lộ

Hiện nay, một số văn bản pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh PCTN còn nhiều bất cập, không thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi có hiệu quả trên thực tế. Cụ thể là:

Bộ luật hình sự năm 1999, Chương XXI, Mục A - Chương các tội phạm về tham nhũng quy định có 07 hành vi phạm tội nhưng tại Điều 3 Luật PCTN năm 2005 lại quy định 12 hành vi tham nhũng, trong khi đó chưa có Thông tư hướng dẫn cụ thể dẫn đến tình trạng các địa phương vận dụng không thống nhất, gây khó khăn cho việc xác định đối tượng đấu tranh với tội phạm tham nhũng của lực lượng Công an.

Một số văn bản của các ngành trái với quy định của Luật Tố tụng hình sự, cụ thể như: Ngân hàng Nhà nước quy định chỉ khi có Quyết định khởi tố" vụ án hình sự thì mới cung cấp tài liệu cho CQĐT hoặc có những việc báo chí đưa tin sai sự thật nhưng Luật báo chí lại quy định chỉ có Viện trưởng VKSND, Chánh án TAND cấp tỉnh trở lên mới có quyền yêu cầu cơ quan báo chí cung cấp nguồn tin,... gây khó khăn cho công tác phát hiện tội phạm tham nhũng cũng như việc thu thập tài liệu phục vụ cho khởi tố" vụ án hình sự.

Một số VBPL về PCTN cũng như quản lý hành chính, kinh tế nhà nước chưa chặt chẽ, bộc lộ nhiều kẽ hở, chồng chéo, đã và đang gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra tội phạm tham nhũng hiện nay. Chẳng hạn, Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị (Điều 5 Khoản 1) quy định không được điều tra bí mật đối với Đảng viên trước khi khởi tố" bị can (mà thường những người có chức vụ đều là Đảng viên). Bên cạnh đó, công tác điều tra tội phạm tham nhũng trong lĩnh vực xây dựng cơ bản gặp rất nhiều khó khăn vì cơ quan giám định cho rằng các hành vi chiếm đoạt tài sản chỉ được coi là tội phạm sau khi đã quyết toán công trình nên tội phạm đã lợi dụng việc này dây dưa không quyết toán công trình nhằm che giấu hành vi phạm tội, trốn tránh pháp luật...

Bởi vậy, khi BLHS năm 2015 có hiệu lực thì bắt buộc phải có những thông tư, nghị định hướng dẫn thi hành phù hợp với tinh thần của bộ luật.

3.2.3 Định kỳ sơ kết, tổng kết áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 về các tội hối lộ

Mỗi một bộ luật được ban hành đều có những vấn đề nhất định, khó khăn nhất định khi áp dụng vào thực tiễn tội phạm vì tội phạm ngày càng tinh vi, xảo

quyết, đặc biệt nhóm tội về hối lộ chủ thể thường là những người có chức vụ, quyền hạn, có những sức ảnh hưởng nhất định nên trong quá trình xử lý tội phạm sẽ gặp không ít những khó khăn, thách thức.

Vấn đề đặt ra là cần thống nhất giữa các văn bản pháp luật khác có liên quan, thống nhất cả hệ thống luật thì mới có thể xử lý tội phạm dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn.

Vậy nên các tổ chức, ban ngành cần định kỳ sơ kết, tổng kết áp dụng các quy định của BLHS năm 2015 để có thể kịp thời khắc phục những khó khăn, yếu kém gây ảnh hưởng đến các tội phạm hối lộ không được xử lý kịp thời. Những vướng mắc khó giải quyết luôn liên quan đến việc áp dụng luật, đưa luật vào thực tiễn cuộc sống, thực tiễn phòng chống tội phạm, xử lý tội phạm. Có thể là cứ 6 tháng 1 lần thì sơ kết, rồi 3 năm tổng kết một lần... để chỉ ra những yếu kém, tồn đọng mà khắc phục kịp thời, có như thế mới tiết kiệm được chi phí cho ngân sách nhà nước mà tội phạm cũng bị xử lý, không bỏ lọt tội phạm.

3.2.4. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng các quy định của BLHS về các tội hối lộ

Cần nâng cao chất lượng đánh giá cán bộ vì đánh giá cán bộ không chính xác, thiếu công tâm, khách quan dẫn đến sử dụng sai cán bộ, do đó hiệu quả công việc không đạt như mong đợi. Bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, kết quả hoàn thành nhiệm vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm, đạo đức, những thành tích đã đạt được, năng lực, sở trường công tác, mức độ đam mê, yêu thích công việc, quá trình lịch sử... không được bổ nhiệm những cán bộ đã từng vi phạm đến công tác tài chính làm cấp trưởng. Để làm được việc này những người làm công tác tổ chức cán bộ phải là những người giỏi, có đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cách mạng trong sáng, có kinh nghiệm trong công tác quản trị nhân sự bảo đảm chất lượng tham mưu sáng suốt cho ban thường vụ cấp ủy quyết định đề bạt, bổ nhiệm, luân chuyển.

Việc kê khai tài sản nhằm phòng, chống tham nhũng là rất quan trọng. Do đó việc kê khai tài sản ngoài việc công khai trong chi bộ và nộp lên cấp trên (UB Kiểm

tra, Thanh tra Nhà nước, Nội vụ) thì phải có một cơ quan độc lập xác minh ngay và công khai kết luận về sự minh bạch tài sản của đảng viên đó mà không phải chờ đến khi có khiếu nại, tố cáo, bầu cử, bổ nhiệm... mới tiến hành xác minh. Hằng năm nếu có biến động về tài sản thì phải tiến hành ngay việc xác minh, kết luận về sự biến động đó.

Trình độ, năng lực của Lãnh đạo chỉ huy và cán bộ điều tra (chủ yếu là Điều tra viên) trong công tác điều tra còn hạn chế. Đây là một thách thức không nhỏ đối với hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng bởi vì đối tượng phạm tội tham nhũng thường là những người có trình độ hiểu biết rất sâu và rộng. Thực tế cho thấy, cán bộ điều tra tội phạm về tham nhũng phần lớn được điều chuyển từ lực lượng khác đến, có người chưa từng làm công tác điều tra tội phạm nên đã làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra các vụ án, dẫn đến tình trạng trả lại hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung, thời hạn điều tra bị kéo dài hoặc không xử lý được. Đặc biệt, kiến thức về Luật quốc tế, kinh nghiệm trong công tác điều tra các vụ án có yếu tố nước ngoài của các Điều tra viên nhìn chung còn rất hạn chế, dẫn đến việc điều tra, xử lý gặp khá nhiều khó khăn, nhất là các nước mà Việt nam chưa ký Hiệp định tương trợ tư pháp hoặc đã ký Hiệp định nhưng phía nước ngoài không hợp tác. Bên cạnh đó, việc ủy thác điều tra theo quy định phải thông qua VKSND tối cao, Bộ Ngoại giao, Đại Sứ quán dẫn đến thời gian bị kéo dài, làm ảnh hưởng đến tiến độ điều tra các vụ án tham nhũng có yếu tố" nước ngoài hiện nay. Mặt khác, các văn bản ủy thác tư pháp phải được dịch sang tiếng nước ngoài và phải đảm bảo tính pháp lý nên phải làm hợp đồng với các Công ty dịch thuật, do vậy vừa mất thời gian, vừa không đảm bảo bí mật và cân nguồn kinh phí nhất định.

Các Cơ quan điều tra chuyên trách điều tra các tội phạm về tham nhũng cần được quan tâm, tập trung chỉ đạo, nâng cao chất lượng phát hiện, khởi tố, điều tra các hành vi tham nhũng. Thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo quy trình, quy định của pháp luật trong phát hiện, điều tra các vụ án tham nhũng, đảm bảo khách quan, toàn diện, chống oan sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm trong hoạt động điều tra, hạn chế thấp nhất việc điều tra bổ sung hoặc điều tra lại...

Thực tế các cơ quan điều tra chuyên trách của Việt Nam còn thiếu một số quyền hạn cần thiết và năng lực để tiến hành điều tra tội phạm về tham nhũng có hiệu quả. Do vậy hoàn thiện các quy định về phòng, chống tham nhũng nói chung, các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan điều tra nói riêng cần quan tâm đến vấn đề này bằng cách quy định rõ những thẩm quyền đặc biệt như quyền tiếp cận các báo cáo quyết toán và giao dịch tài chính đáng ngờ, yêu cầu cung cấp sổ sách ngân hàng và quyền áp dụng các biện pháp theo dõi như được ghi âm, ghi hình bí mật. Cho phép Cơ quan điều tra được tiến hành các biện pháp nghiệp vụ đặc biệt khi có tài liệu về đối tượng tham nhũng trước khi khởi tố bị can như trong đấu tranh với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phạm về ma túy được quy định trong Luật an ninh quốc gia, Luật phòng, chống ma túy nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện, khởi tố, điều tra các tội phạm về tham nhũng.

Các Cơ quan điều tra chuyên trách cần đẩy mạnh công tác nắm tình hình, sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ, kết với tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh việc chấp hành pháp luật trong tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố về tham nhũng, để chủ động phát hiện, khởi tố, điều tra các hành vi có dấu hiệu tham nhũng. Cơ quan điều tra chuyên trách thuộc Bộ Công an phải tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên án, vụ án lớn về tham nhũng đã phát hiện, điều tra, xử lý trong thời gian qua để rút ra đặc điểm, phương thức, thủ đoạn của tội phạm. Rút kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả công tác phát hiện, khởi tố, điều tra, xử lý tội phạm về tham nhũng. Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc, vụ án liên quan đến tham nhũng tại các địa phương.

3.2.5. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về các tội hối lộ

Hiện nay, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng (gồm: CQĐT, VKSND và TAND) còn thiếu chặt chẽ và thiếu tính thống nhất, gây khó khăn không nhỏ cho công tác điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về tham nhũng hiện nay, đặc biệt là sự phối hợp giữa CQĐT và VKSND trong giải quyết các vụ án

tham nhũng. Thực tế cho thấy, có nhiều vụ án, trong quá trình điều tra VKSND yêu cầu khởi tố bị can hoặc phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can, tạm giam nhưng khi bị can được chuyển sang VKSND thì VKSND lại đình chỉ điều tra. Hoặc có vụ án, CQĐT và VKSND đã thống nhất tội danh, tiến hành khởi tố vụ án nhưng khi kết luận điều tra thì VKSND yêu cầu điều tra bổ sung để thay đổi tội danh đã khởi tố. Vậy nên cần có những biện pháp cần thiết sau:

Thứ nhất, cần đổi mới hoạt động của các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử của Viện KSND đối với các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ

Các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án tham nhũng trong Viện kiểm sát nhân dân có vai trò quan trọng, quyết định đối việc việc điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng. Do vậy phải bảo đảm cho các đơn vị này thực sự độc lập, có thực quyền, được tiếp cận đầy đủ đối với các tài liệu của các cơ quan hành pháp, các tổ chức, doanh nghiệp kinh tế, tài chính... và cán bộ, công chức có liên quan đến tội phạm về tham nhũng đang được điều tra để có đủ căn cứ truy tố.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao, cần xây dựng đầy đủ và thực hiện tốt các quy chế phối hợp trong việc tiếp nhận, quản lý, kiểm sát việc giải quyết tin báo, tố giác tội phạm giữa Viện kiểm sát nhân dân với các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong đó, Viện kiểm sát có vai trò chủ đạo trong việc nắm toàn bộ các tin báo, tố giác về tội phạm về tham nhũng. Viện kiểm sát nói chung, các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án tham nhũng nói riêng phải sử dụng mọi biện pháp, mọi kênh để thực sự chủ động trong nắm và quản lý thông tin về tội phạm. Kiểm sát chặt chẽ hoạt động điều tra, chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong quá trình thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra ngay từ khi nhận được tin báo, tố giác về tội phạm về tham nhũng, kịp thời đề ra yêu cầu xác minh và phân loại xử lý. Dự báo trước những khó khăn, phức tạp trong quá trình điều tra để báo cáo Lãnh đạo hai ngành cho ý kiến chỉ đạo kịp thời. Viện kiểm sát

các cấp phải cùng Cơ quan điều tra phát hiện và khắc phục kịp thời những sai phạm trong quá trình điều tra vụ án hình sự nói chung, các vụ án tham nhũng nói riêng, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị can có căn cứ và đúng pháp luật, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

Các đơn vị thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án tham nhũng phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố tại phiên toà, đấu tranh làm rõ tội trạng của các bị cáo; đồng thời kiểm sát chặt chẽ quá trình xét xử, nhất là việc ra bản án, quyết định của Toà án. Phối hợp chặt chẽ với Toà án trong việc đẩy nhanh tiến độ xét xử đối với các vụ án tham nhũng. Hạn chế tối đa việc trả lại hồ sơ để điều tra bổ sung, bảo đảm việc xử lý vụ án nhanh chóng, kịp thời, nghiêm minh. Thường xuyên đôn đốc và phối hợp với Cơ quan thi hành án để có biện pháp thu hồi tài sản trong các vụ án tham nhũng cho Nhà nước. Đối với những bản án, quyết định của Toà án về các tội phạm về tham nhũng có mức hình phạt chưa tương xứng hoặc vi phạm pháp luật phải kịp thời kháng nghị để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm.

Hàng năm Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần tổ chức các đợt tập huấn để tổng kết, rút kinh nghiệm công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án tham nhũng điển hình để từ đó tìm ra những ưu điểm cần phát huy, những tồn tại cần khắc phục đồng thời tìm ra những khó khăn vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật để có hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Thứ hai, cần đổi mới hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân đối với các vụ án tham nhũng, tham ô tài sản, nhận hối lộ

Việc đổi mới hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân phải đáp ứng yêu cầu giải quyết vụ án các vụ án nói chung, các vụ án về tham nhũng nói riêng thấu tình, đạt lý, chính xác, khách quan, kịp thời; việc thực hiện các quy trình tố tụng vừa phải bảo đảm tính dân chủ, vừa phải bảo đảm tính pháp chế, thể hiện quyền uy, tôn nghiêm khi phán xét, phân xử, thực sự là hiện thân của công lý. Mặt khác, việc đổi mới hoạt động của Tòa án nhân dân phải nhằm nâng cao sự tín nhiệm của nhân dân

đối với hoạt động của cơ quan Tòa án, sự gần gũi, tin yêu của nhân dân đối với Thẩm phán, cán bộ công chức của ngành Tòa án nhân dân.

Trong hoạt động xét xử của Tòa án, nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một nguyên tắc cơ bản của hoạt động xét xử. Nguyên tắc này đã được ghi nhận trong Hiến pháp và được cụ thể hóa trong nhiều quy định của BLTTHS. Tuy nhiên, trong thời gian qua việc thực hiện nguyên tắc này chưa tốt, việc can thiệp vào hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm diễn ra còn phổ biến, thậm chí có nơi nguyên tắc này còn bị vi phạm nghiêm trọng. Kinh nghiệm chống tham nhũng của các nước cho thấy rằng không thể chống tham nhũng hiệu quả nếu không có một hệ thống tư pháp nói chung, hệ thống Tòa án nói riêng độc lập. Do vậy, phải sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ những quy định của pháp luật không còn phù hợp để bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm trong hoạt động xét xử. Quán triệt những người có thẩm quyền như Chánh án, Phó Chánh án, Ủy ban Thẩm phán và các cấp ủy Đảng trong việc không can thiệp vào hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử. Đảng lãnh đạo bằng việc ban hành đường lối chính sách, giới thiệu nhân sự vào những vị trí quan trọng chứ không làm thay và không can thiệp cụ thể vào việc xét xử của Hội đồng xét xử trong từng vụ án cụ thể. Tách bạch hoạt động quản lý với hoạt động tố tụng, lãnh đạo Tòa án và Tòa án cấp trên không can thiệp vào hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử, đặc biệt là không đánh giá chứng cứ thay Hội đồng xét xử, không áp đặt mức án khi xét xử, đảm bảo tuyệt đối cho Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Đồng thời, Tòa án các cấp cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát để giải quyết dứt điểm các vụ án tham nhũng. Lãnh đạo các Tòa án cần cử Thẩm phán có kinh nghiệm công tác, có năng lực chuyên môn tham gia tiếp cận hồ sơ ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố để nắm vững các tình tiết khách quan của vụ án, bảo đảm cho việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 60 BLHS về án treo, nhất là việc áp dụng quy định này đối với các tội phạm về tham

những, nhằm bảo đảm thực hiện đúng và thống nhất. Quá trình xử lý tội phạm về tham nhũng, phải thực hiện nghiêm túc quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật phòng, chống tham nhũng, theo đó, xử lý nghiêm và không cho hưởng án treo đối với các bị cáo phạm tội tham nhũng là người đứng đầu cơ quan, tổ chức và người phạm tội tham nhũng mà không chủ động khai báo, không tích cực hạn chế thiệt hại, không tự giác nộp lại tài sản... Tăng cường công tác giám đốc, kiểm tra việc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, kịp thời phát hiện và khắc phục đối với các sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ trong quá trình giải quyết vụ án, trong đó có việc cho hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật.

Đối với Thẩm phán để vụ án tham nhũng quá thời hạn xét xử hoặc cho bị cáo được hưởng án treo không đúng quy định của pháp luật, cần được xem xét, đánh giá nguyên nhân, mức độ lỗi, nhằm xác định rõ trách nhiệm và có biện pháp xử lý nghiêm khắc. Đối với người đứng đầu cơ quan nếu để vụ án tham nhũng quá thời hạn xét xử theo quy định của pháp luật thì tùy theo mức độ lỗi để xem xét trách nhiệm và xử lý kỷ luật.

Thứ ba, cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa Thanh tra, Kiểm toán với Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ

Hiện nay, hoạt động chống tham nhũng của các cơ quan tư pháp, thanh tra, kiểm toán còn thiếu sự phối hợp thống nhất. Thậm chí, giữa một số ngành như Công an, Kiểm sát, Thanh tra, Kiểm toán còn có sự chống chéo lẫn nhau, làm giảm đáng kể hiệu quả công tác chống tham nhũng. Trong khi các quy định của pháp luật chưa thật sự đồng bộ, chặt chẽ thì sự phối hợp giữa các cơ quan này là hết sức cần thiết. Ban hành các văn bản pháp luật, trong đó phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đồng thời có cơ chế thống nhất giữa các cơ quan trong việc điều tra, xử lý những vụ việc tham nhũng.

Đẩy mạnh hoạt động phối hợp đấu tranh chống tham nhũng trên thực tế, tạo một cơ chế phối hợp thống nhất, đảm bảo hoạt động phối hợp đồng bộ, liên tục và thường xuyên ở tất cả các khâu của công tác đấu tranh chống tham nhũng.

Thứ tư, cần hoàn thiện cơ chế giám định tài chính, giám định kế toán và các lĩnh vực giám định khác liên quan đến phát hiện, xử lý các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ

Thực hiện chủ trương “Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trung cầu và thực hiện giám định.... Xác định rõ cơ chế đánh giá kết luận giám định, bảo đảm đúng đắn, khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc” thể hiện trong Nghị quyết số 49- NQ/TW của Bộ Chính trị; đồng thời để khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong các quy định hiện hành, tham khảo kinh nghiệm pháp luật một số nước, giám định tư pháp nói chung, giám định tư pháp trong các vụ án về tham nhũng nói riêng cần được đổi mới, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng, cụ thể như sau:

Tiếp tục khẩn trương hoàn thiện chế định giám định tư pháp phục vụ phòng chống tham nhũng, trong đó quy định rõ trách nhiệm có tính bắt buộc và chế tài xử lý nghiêm đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giám định từ chối, né tránh, chậm thực hiện giám định hoặc kết luận giám định thiếu rõ ràng, kết luận giám định sai.

Cần sớm có cơ chế làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan điều tra, kiểm sát, tòa án và các Bộ, ngành có liên quan trong trung cầu, thực hiện giám định cũng như đánh giá, sử dụng kết luận giám định, khắc phục và xử lý nghiêm minh tình trạng né tránh, bao che, tiêu cực trong quá trình giải quyết các vụ án nói chung, phòng, chống tội phạm về tham nhũng nói riêng.

Nghiên cứu, xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật giám định tư pháp về lĩnh vực giám định tài chính, ngân hàng, xây dựng...

Nghiên cứu, xác định nhu cầu giám định trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, xây dựng và các lĩnh vực khác để sớm thành lập tổ chức giám định tư pháp công lập trong các lĩnh vực này. Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thành lập Văn phòng giám định tư pháp ở các lĩnh vực nêu trên (Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng...). Trong các lĩnh vực không hoặc chưa có tổ chức giám định tư pháp công lập thì cần xác định cơ quan đầu mối chủ trì điều phối hoạt động giám định tư pháp. Đối với

các tổ chức giám định hiện có, cần được sắp xếp lại cho hợp lý và tinh gọn. Các giám định viên cần được nâng cao trình độ khoa học chuyên sâu và có chế độ đãi ngộ hợp lý. Các phương tiện kỹ thuật, máy móc phục vụ cho việc giám định cần được hiện đại hóa để đáp ứng kịp thời yêu cầu chính xác và nhanh chóng của công tác giám định.

Khẩn trương bảo đảm nguồn kinh phí chi trả chi phí giám định cũng như giải quyết vướng mắc về trình tự, thủ tục, hồ sơ thanh toán chi phí giám định tư pháp. Lập mục chi ngân sách riêng về kinh phí chi trả chi phí giám định tư pháp (không lấy từ kinh phí điều tra) cho các Cơ quan điều tra. Quy định cụ thể và phù hợp mức phí trả tiền giám định trong các lĩnh vực giám định về tài chính, ngân hàng, thuế, xây dựng.

Cần sớm ban hành quy định về căn cứ, cách thức trưng cầu các tổ chức, cá nhân có năng lực làm giám định và bảo đảm tính độc lập, khách quan của hoạt động giám định. Hướng dẫn về việc xem xét, đánh giá và sử dụng kết luận giám định trong hoạt động tố tụng để bảo đảm việc giải quyết các vụ án, nhất là án tham nhũng được chính xác, khách quan và đúng pháp luật.

Thứ năm, cần xây dựng hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án và cơ quan thi hành dân sự trong việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, đặc biệt là các tội tham ô tài sản, nhận hối lộ

Thu hồi tài sản tham nhũng và tịch thu tài sản do tham nhũng mà có là hoạt động quan trọng và là thước đo hiệu quả của công tác đấu tranh chống tham nhũng. Trong thời gian qua, bên cạnh số tiền, tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng là rất lớn, gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng đến tài sản của Nhà nước, của nhân dân; việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, tham nhũng còn gặp rất nhiều khó khăn. Tỷ lệ tiền, tài sản thu hồi được rất nhỏ so với tổng số thiệt hại do các đối tượng chiếm đoạt. Số liệu thống kê cho thấy, tỷ lệ thu hồi tài sản tham nhũng trên tổng số tài sản bị chiếm đoạt do hành vi tham nhũng gây ra chỉ khoảng dưới 10%.

Chính phủ cần có quy định cụ thể để kiểm soát được tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức và bắt buộc mọi giao dịch lớn phải thông qua hệ thống ngân hàng. Đối với việc kê khai tài khoản ở nước ngoài, cần bổ sung quy định về việc xác định số dư tài khoản ở nước ngoài; bổ sung chế tài giám sát chặt chẽ việc thực hiện kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai; bổ sung quy định về kiểm soát thu nhập đối với cán bộ, công chức có chức vụ, quyền hạn; nghiên cứu, đề xuất xây dựng quy định kiểm tra, giám sát tài khoản người trong gia đình hoặc cộng sự có liên quan tới cá nhân đang hoặc đã giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước.

Cần quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục hợp tác quốc tế trong việc thực hiện ủy thác hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về xác minh, phong tỏa, thu giữ, tịch thu tài sản tham nhũng có nguồn gốc từ nước ngoài. Theo đó, cơ quan chức năng của Việt Nam theo nguyên tắc có đi có lại, có quyền yêu cầu nước ngoài xác minh, phong tỏa tài sản có nguồn gốc tham nhũng từ Việt Nam để thu hồi.

Thứ sáu, chú trọng vấn đề hợp tác quốc tế trong đấu tranh, xử lý các vụ án tham nhũng, tham ô, hối lộ có yếu tố nước ngoài (nguồn vốn từ nước ngoài và người nước ngoài cùng phạm tội)

Trong điều kiện đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực, trong đó có đấu tranh phòng, chống tham nhũng, để đấu tranh phòng, chống tội phạm có tính quốc tế đạt hiệu quả cao thì nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này trở thành vấn đề mang tính tất yếu, phù hợp với xu thế chung của thời đại. Hợp tác quốc tế, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng có thể phát hiện tội phạm về tham nhũng qua các kênh thông tin của các cơ quan, tổ chức chống tội phạm quốc tế, nhờ đó có thể nhanh chóng khám phá các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia. Hợp tác quốc tế cũng tạo ra cơ chế hợp tác trong việc phát hiện, điều tra, xét xử các vụ án tham nhũng mang tính quốc tế, giúp cho các cơ quan tiến hành tố tụng của nước ta tiết kiệm được kinh phí chi cho hoạt động tố tụng mà còn tạo điều kiện để mở rộng điều tra các vụ án tham nhũng phức tạp nhằm xử lý triệt để đối với loại tội

phạm này. Đồng thời tạo ra cơ hội cho các cơ quan tư pháp của Việt Nam hoà nhập, học hỏi kinh nghiệm của các nước khác về công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

3.2.6. Đầu tư kinh phí, phương tiện công tác cho cơ quan áp dụng pháp luật

Hiện nay, các trang thiết bị phục vụ công tác chiến đấu của lực lượng CSĐT tội phạm về tham nhũng còn thiếu, chưa đồng bộ. Đặc biệt, công tác giám định tư pháp còn nhiều bất cập như: thời gian giám định quá dài; kinh phí chi trả giám định quá lớn; một số cơ quan được trưng cầu giám định từ chối, né tránh; trình độ chuyên môn của một số giám định viên chưa đáp ứng được yêu cầu... Đây là nguyên nhân chính dẫn đến thời hạn điều tra các vụ án bị quá hạn, bị trả hồ sơ điều tra bổ sung, thậm chí có vụ kéo dài, không xử lý được phải tạm đình chỉ điều tra.

Bên cạnh đó chính sách đãi ngộ đối với cán bộ chiến sĩ Công an chuyên trách thực hiện nhiệm vụ PCTN hiện nay vẫn chưa thực sự tương thích. Sự bất cập về chế độ, chính sách đãi ngộ này đã tác động không nhỏ đến tư tưởng của các cán bộ chiến sĩ làm nhiệm vụ PCTN, gây ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của họ.

Kết luận chương 3

Tại chương 3, trên cơ sở những tồn tại vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân đã được làm rõ trong chương 2, chúng tôi đã đưa ra một số giải pháp nhằm đóng góp làm hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với các tội phạm về tham nhũng và nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự các tội phạm về hối lộ.

Tất cả những giải pháp đó nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng nói chung và các tội phạm về hối lộ nói riêng. Chỉ khi nào hoàn thiện được những vấn đề trên thì cơ quan áp dụng pháp luật mới có những căn cứ chuẩn mực, công cụ sắc bén để xét xử đúng pháp luật, công bằng và hợp lý đối với mỗi tội phạm và người phạm tội, đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm tham nhũng hiện nay.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu các tội phạm về hối lộ theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh, bước đầu luận văn đã nghiên cứu được một số vấn đề lý luận về tội tham nhũng nói chung và các tội về hối lộ nói riêng, tiếp đó đặt trên vấn đề thực tế thi hành pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh. Qua một quá trình nghiên cứu cho phép chúng tôi có thể đi đến một số kết luận cơ bản như sau:

Thứ nhất, việc lựa chọn đề tài “*các tội hối lộ theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” là một thách thức lớn vì đây là một đề tài khó, không chỉ khó mà còn là một đề tài khá “nhạy cảm” khi tiến hành nghiên cứu. Tuy nhiên với thời gian hạn chế và phạm vi nghiên cứu có hạn của một luận văn thạc sỹ, chúng tôi chỉ tập trung đi sâu nghiên cứu về mặt lý luận cùng một số qua điểm khoa học pháp lý, thực tiễn áp dụng trên một địa bàn cụ thể, trong một giai đoạn cụ thể trong vòng 05 năm gần đây (2011-2015) từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm đóng góp cho sự hoàn thiện của pháp luật Việt Nam.

Xét từ góc độ luật hình sự, bản chất nguy hiểm cho xã hội cũng như dấu hiệu pháp lý của các tội phạm này và đường lối xử lý đối với chúng cần được nghiên cứu để luật hình sự phát huy được vai trò trong cuộc đấu tranh chống hối lộ. Nhìn chung có thể thấy những vấn đề lý luận về các tội phạm về hối lộ ở Việt Nam vẫn chưa được quan tâm một cách thỏa đáng.

Việt Nam thể hiện mối quan tâm đối với các quy định của luật hình sự về các tội phạm về hối lộ. Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, các quy định này hiện nay đã bao quát tương đối đầy đủ các hình thức hối lộ phổ biến như đưa hối lộ, nhận hối lộ, hối lộ qua trung gian, hối lộ trong khu vực tư, hối lộ công chức nước ngoài.

Thứ hai, diễn biến tội phạm về hối lộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có chiều hướng giảm dần, tuy nhiên với mức độ hiện nay thì các tội phạm về hối lộ vẫn đang gây thiệt hại rất nghiêm trọng cho nền kinh tế nước ta. Những vấn đề thực tiễn được đề cập trong luận án đã chỉ ra rằng những khiếm khuyết trong luật hình sự của Việt Nam về các tội phạm về hối lộ đã trở thành yếu tố gây khó khăn cho hoạt động áp dụng luật và có những tác động tiêu cực tới hiệu quả của cuộc đấu tranh chống

các tội phạm này. Những yếu kém và hạn chế trong các quy định của luật gây ảnh hưởng tới hoạt động áp dụng luật cũng chính là những điểm không phù hợp với lý luận về các tội phạm này đã được thừa nhận chung.

Thứ ba, thực tiễn cho thấy công tác xét xử các vụ án về tham nhũng, hối lộ của ngành Tòa án trong 05 năm qua (2011 – 2015) đã đạt được những kết quả quan trọng, nhiều vụ án tham nhũng nghiêm trọng đã được đưa ra xét xử công khai, với chất lượng xét xử ngày càng được cải thiện, việc xác định tội danh tương đối chính xác, các hình phạt áp dụng đối với người phạm tội thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo mục đích của hình phạt, đáp ứng được yêu cầu của Đảng và nhà nước về chống và phòng ngừa các tội phạm về tham nhũng. Bên cạnh đó, cũng thấy được những hạn chế, bất cập trong các văn bản pháp luật, những hạn chế về năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền, để từ đó tổ chức thực hiện nhất quán, đồng bộ các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự, nâng cao chất lượng, hiệu quả áp dụng pháp luật mà luận văn đã đề cập. Cần lưu ý rằng các tội phạm về hối lộ không thể bị ngăn ngừa và đấu tranh có hiệu quả bằng một công cụ riêng rẽ nào. Vai trò của luật hình sự chỉ có thể được phát huy trong sự phối hợp đồng bộ với các biện pháp khác. Sử dụng luật hình sự là giải pháp cần thiết nhưng chưa đủ đối với việc kiểm soát tình hình các tội về hối lộ.

Vậy nên, vấn đề được đặt ra là đề tài này cần tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện cả về lý luận và thực tiễn với hy vọng nhằm phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và nhất là áp dụng trong thực tế cũng như góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị, về một số nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
2. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị, về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
3. Đảng cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị, về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Đảng cộng sản Việt Nam (2015), *Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 7/12/2015 của Bộ Chính Trị, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng*, Hà Nội.
5. Lê Văn Giác (2009), *Tội nhận hối lộ trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Khoa Luật- Trường Đại học Luật Cần Thơ.
6. Nguyễn Văn Kim, Nguyễn Huy Hoàng (Chủ biên), *Pháp luật chống tham nhũng của các nước trên thế giới*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, 2003, tr.23, 71.
7. Lê Văn Lâm (2012), *Tình hình tham nhũng và những khó khăn thách thức trong công tác phòng, chống tham nhũng tại Việt Nam hiện nay*, Hà Nội, Nguồn: Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.
8. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, t.2, tr. 225.
9. Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu về hình phạt và quyết định hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự 1999, tập V (Phân các tội phạm về chức vụ)*, Nxb Chính trị Sự thật, Hà Nội.
11. Đinh Văn Quế (2011), *Sửa đổi bổ sung BLHS năm 1999 đối với các tội phạm về tham nhũng*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, (số 09), tr. 19-21.
12. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

13. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
14. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội.
15. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
17. Quốc hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
18. Quốc hội (1992), *Hiến pháp*, Hà Nội.
19. Quốc hội (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
20. Quốc hội (2005), *Luật phòng chống tham nhũng*, Hà Nội.
21. Quốc hội (2007), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống tham nhũng*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2012), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng chống tham nhũng*, Hà Nội.
23. Phan Xuân Sơn, Phạm Thế Lực (Đồng chủ biên, 2008), *Nhận diện tham nhũng và các giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.19.
24. Trịnh Việt Tiến (2011), *Nghiên cứu, so sánh các tội đưa hối lộ, môi giới hối lộ trong luật hình sự Việt nam và công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 17, 18, tr 3-12.
25. Đào Lê Thu (2011), *Các tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam trong sự so sánh với luật hình sự Thụy Điển, Ôt- Xtrây- Lia*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học luật Hà Nội, tr 126-128,111,157.
26. Đào Lê Thu, Trần Văn Dũng, Trịnh Việt Tiến (2014), *Báo cáo tổng thuật hoàn thiện các quy định của tội hối lộ trong pháp luật hình sự Việt Nam từ góc độ so sánh luật*, Ban nội chính trung ương, Hà Nội.
27. Tòa án nhân dân (2011,2012,2013,2014,2015), *Thống kê thụ lý và giải quyết các án hình sự sơ thẩm*, thành phố Hồ Chí Minh.
28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005), *Giáo trình luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2002), *Giáo trình luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

30. Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội (2005), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
31. Võ Khánh Vinh (1990), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam – Phần chung*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
32. Võ Khánh Vinh (1996), *Tìm hiểu trách nhiệm hình sự đối với các tội về chức vụ*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Võ Khánh Vinh (2003), *Thay đổi tội danh: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 12), tr.15-18.
34. Võ Khánh Vinh (2008), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (2014), *Luật hình sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Trịnh Tiến Việt (2011), *Nghiên cứu so sánh các quy định về tội đưa hối lộ, tội làm môi giới hối lộ trong luật hình sự Việt Nam và Công ước Quốc tế của liên hiệp quốc về chống tham nhũng*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 02), tr. 17- 19.
38. Nguyễn Như Ý (2010), *Đại Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, tr.736.
39. Báo dân trí 09/5/2014, *Phải chống ngay trong các cơ quan chống tham nhũng*, Hà Nội, <http://dantri.com.vn/xa-hoi/phai-chong-ngay-trong-cac-co-quan-chong-tham-nhung-1400140670.htm>.
40. Lê Văn Lân, Vnexpress ngày 11/9/2012 mắng pháp luật, *tham nhũng ở Việt Nam vừa tinh vi vừa trắng trợn*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/tham-nhung-o-viet-nam-vua-tinh-vi-vua-trang-tron-2242604.html>.
41. Nguyễn Tiến Nghĩa (2013), *Tham nhũng, nguyên nhân và biện pháp ngăn ngừa*, Tạp chí công sản, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Viet-nam-tren-duong-doi-moi/Phong-chong-tham-nhung/2013/19790/Tham-nhung-nguyen-nhan-va-bien-phap-ngan-ngua.aspx>.

42. Triệu Là Phạm (2015), *Hoàn thiện pháp luật về tội nhận hối lộ trong Bộ luật hình sự*, Trung ương hội luật gia Việt Nam- Người bảo vệ quyền lợi, trang web của Trung tâm tư vấn pháp luật thành phố Hồ Chí Minh, http://nguoibaovequyenloi.com/User/ThôngTin_ChiTiet.aspx?MaTT=2312201552627232269&MaMT=23&MaNT=2.
43. Hồng Văn (2016), *Biện pháp phòng, chống tham nhũng từ xây dựng Đảng*, Tạp chí xây dựng Đảng, <http://www xaydungdang.org.vn/Home/dien-dan/2016/9663/Bien-phap-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-tu-xay-dung-Dang.aspx>.
44. Viện triết học - Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt nam, tạp chí triết học số 10/2007, *Tham nhũng và phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội, <http://philosophy.vass.gov.vn/nguyen-cuu-theo-chuyen-de/Chinh-tri-Xa-hoi/Tham-nhung-va-phong-chong-tham-nhung-449.html>
45. Viện kiểm sát nhân dân (2012), *Đề tài chống tham nhũng của Viện Kiểm sát*, thành phố Hồ Chí Minh, <http://www.vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-5139>.
46. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Một số kết quả về công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng của ngành kiểm sát nhân dân*, Hà Nội, <http://vksndtc.gov.vn/tin-chi-tiet-3746>.